



Số: 32- CV/CKĐA/VPHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Đơn vị: Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

Trụ sở chính: Km 12+800, Quốc lộ 3, Tổ 6, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà
Nội

Điện thoại: 024 38833818

Fax: 024 38832718

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Hồng Vân

(theo Ủy quyền số 0304A/CKĐA/HĐQT ngày 03/4/2019 của Người đại diện theo
Pháp luật của Công ty)

Điện thoại: 0972 511 525

Loại thông tin cung cấp: ☒ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin cung cấp: Nghị Quyết ĐHĐCĐ và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường
niên năm 2025

Địa chỉ website đăng tải về việc này: www.ckda.vn ngày 02/04/2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin trên.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THỊ HỒNG VÂN

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi ngày 23/04/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi được tổ chức tại hội trường Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi ngày 23/04/2025 với 244 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện 28.657.001 cổ phần bằng 92.44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Điều 1. Thống nhất thông qua các báo cáo: Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Tổng Giám đốc; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Điều 2. Thống nhất thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH2024/KH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	111%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>110%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	76,6	102,3	134%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%	
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ	Tỷ đồng	253	51	20%
5	Thanh lý TSCĐ	Tỷ đồng		3,2	
6	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,9	89%
7	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10	8	80%

Điều 3. Thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

3.1. Phương án phân phối lợi nhuận 2024

STT	Chi tiêu	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	97.858.153.065
2	Loại trừ lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ	0
3	Lợi nhuận năm 2023 chuyển sang	4.429.998.104
4	Tổng lợi nhuận được phân phối (4=1-2+3)	102.288.151.169
5	Phân phối lợi nhuận:	
a	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	10.228.815.117
b	Trích quỹ đầu tư phát triển (24.27%)	24.829.320.745
c	Thưởng BQL, BĐH, BKS (10% phần lợi nhuận vượt so với kế hoạch)	2.130.015.307
d	Chi trả cổ tức năm 2024 (21% x VDL)	65.100.000.000

3.2. Phương thức chi trả cổ tức:

- (i) Tổng số tiền trả cổ tức : 65.100.000.000 đồng.
- (ii) Hình thức trả : Bằng tiền.
- (iii) Phương thức chi trả : Tiền mặt/ chuyển khoản
- (iv) Thời gian chi trả cổ tức : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức.

Điều 4. Thống nhất thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và thanh lý TSCĐ năm 2025:

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	1.326	110%	99%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>1.256</i>	<i>110%</i>	<i>100%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	Tỷ đồng	76,6	102,3	88	114%	86%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%			
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ và sửa chữa lớn	Tỷ đồng	253	51	355		
	<i>- Đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn đã được phê duyệt từ năm 2024 trở về trước đang và sẽ tiếp tục thực hiện năm 2025 (**)</i>				148		
	<i>- Đầu tư TSCĐ mới và sửa chữa lớn (***)</i>				207		
6	Thanh lý TSCĐ (****)	Tỷ đồng		3,2	31		
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,9	113	101%	113%
8	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10.0	8,0	9.0	90%	113%



Ghi chú:

(*) Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ cổ tức năm 2025 căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và do Đại hội đồng cổ đông năm 2026 quyết định.

(**), (***), (****) Chi tiết theo Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

4.2. ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT căn cứ vào thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty để quyết định điều chỉnh hạng mục và giá trị từng hạng mục đầu tư đảm bảo nguyên tắc kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả và không vượt tổng mức đầu tư được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT có trách nhiệm báo cáo việc điều chỉnh này (nếu có) cho ĐHĐCĐ ở kỳ họp kế tiếp gần nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc đề xuất, trình/quyết định đầu tư, các dự án đầu tư phải đảm bảo thực sự cần thiết, đúng thời điểm, tiết kiệm, đạt hiệu quả (hiệu quả dự án và hiệu quả tổng thể của Công ty), đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Thống nhất thông qua dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025.

Tỷ lệ cổ tức và phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và do Đại hội đồng cổ đông năm 2026 quyết định.

Điều 6. Thống nhất thông qua tiêu thức và danh sách lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2025:

6.1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi về phạm vi, tiến độ và mức phí kiểm toán.

6.2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập lựa chọn

Đề xuất danh sách công ty đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp yêu cầu kiểm toán của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA), có địa chỉ tại Tầng 15 Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO có địa chỉ tại Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, 63 Đ. Lê Văn Lương, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY có địa chỉ tại Tầng 5, tòa B2, Roman Plaza, Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

4. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt có địa chỉ tại: Tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.



307
TY
IÂN
NG P
OGI
H-T

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 từ danh sách công ty kiểm toán nêu trên.

Trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trong danh sách này về tiến độ và mức phí dịch vụ kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 do Bộ Tài chính công bố./.

Điều 7. Thống nhất thông qua thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025:

7.1. Thù lao đối với thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách (chưa bao gồm thuế TNCN):

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000đ/tháng (Mười lăm triệu đồng)
- + Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 12.000.000đ/tháng (Mười hai triệu đồng)
- + Thành viên Hội đồng quản trị : 10.000.000đ/ tháng (Mười triệu đồng)
- + Trưởng Ban kiểm soát : 10.000.000đ/tháng (Mười triệu đồng)
- + Thành viên Ban kiểm soát : 8.000.000đ/ tháng (Tám triệu đồng)

7.2. Đối với thành viên HĐQT chuyên trách và/hoặc tham gia điều hành; thành viên Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi.

7.3. Thời gian trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS: vào cuối mỗi tháng.

7.4. Ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát: Bao gồm các chi phí tổ chức họp, đi lại, ăn ở, chi phí hợp lý khác và được chi trả theo phát sinh thực tế và nằm trong ngân sách chi cho hoạt động chung của Công ty trong năm tài chính 2025. Đảm bảo tích kiệm, hợp lý, phù hợp điều lệ Công ty, Quy chế tài chính và các chế độ, định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

Điều 8. Thống nhất thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh phục vụ hoạt động Tổng thầu EPC của Công ty (chi tiết các mã ngành bổ sung như Phụ lục 4).

Thống nhất giao cho Hội đồng quản trị triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật để đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh trên.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc đăng ký bổ sung mã ngành chưa có trong danh mục trên và quyết định một số công việc liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện Tổng thầu EPC. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 9. Điều khoản thi hành:

9.1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

9.2. Các ông, bà thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ



đồng của Công ty chịu trách nhiệm thi hành, tổ chức triển khai Nghị quyết này theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

TM/ ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH ĐOÀN

CAO TRƯỜNG THỤ

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA LỚN TSCĐ NĂM 2025
(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 ban hành ngày 23/04/2025)

STT	Diễn Giải	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
		Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
	TỔNG CỘNG (A + B)	140.000	112.714	252.714	15.675	35.373	51.048	46.285	308.670	354.955	
A	Kế hoạch đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn năm 2024 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt CHUYỂN TIẾP thực hiện 2025	140.000	112.714	252.714	15.675	35.373	51.048	26.952	121.007	147.959	Chi tiết: Phụ lục I
I	Khối SXKC Thép	-	80.773	80.773	7.879	3.057	10.936	-	19.780	19.780	
II	Khối SX Đúc	-	5.491	5.491	1.177	2.848	4.025	7.330	4.218	11.548	
III	Khối hỗ trợ	-	8.800	8.800	16	4.293	4.309	-	3.000	3.000	
IV	Khối SX Nhôm	-	17.650	17.650	1.537	4.943	6.479	-	11.419	11.419	
V	Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất số 2	140.000	-	140.000	5.067	20.232	25.299	19.622	82.589	102.212	
B	Kế hoạch MỚI đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn năm 2025							19.333	187.663	206.996	Chi tiết: Phụ lục II
B1	Kế hoạch đầu tư TSCĐ							484	182.059	182.543	
I	Khối SXKC thép							-	77.093	77.093	
II	Khối SX Đúc							440	19.753	20.193	
III	Khối hỗ trợ							-	47.636	47.636	
IV	Khối kinh doanh							-	275	275	
V	Khối sản xuất nhôm							-	20.752	20.752	
VI	Dự phòng các hạng mục phát sinh							44	16.551	16.595	
B2	Kế hoạch sửa chữa lớn							18.849	5.605	24.453	



STT	Diễn Giải	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
		Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
B2.1	Sửa chữa Máy móc thiết bị							-	5.095	5.095	
I	Khối SX đúc							-	2.330	2.330	
II	Khối SX Kết cấu thép							-	650	650	
III	Khối SX Nhôm							-	2.115	2.115	
B2.2	Xây dựng cơ bản							17.135	-	17.135	
I	Khối SX đúc							5.500	-	5.500	
II	Khối hỗ trợ							11.285	-	11.285	
III	Khối SX Nhôm							350	-	350	
B2.3	Dự phòng các hạng mục phát sinh							1.714	510	2.223	



Ghi chú: Ngoài các hạng mục đã có phê duyệt và/hoặc có cơ cấu nguồn vốn huy động rõ ràng, các hạng mục còn lại, Công ty đang dự kiến cơ cấu nguồn vốn huy động như sau:
Vốn tự có/Vốn vay là 3/7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!
Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

[Signature]

CAO TRƯỜNG THỤ

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA LỚN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TỪ NĂM 2024 TRỞ VỀ TRƯỚC ĐANG VÀ SẼ THỰC HIỆN TIẾP TRONG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 ban hành ngày 23/04/2025)

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
	<i>Kế hoạch đầu tư TSCĐ và Sửa chữa lớn năm 2024 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt</i>					140.000	112.714	252.714	15.675	35.373	51.048	26.952	121.007	147.959	
I	Khởi SXKC Thép					-	80.773	80.773	7.879	3.057	10.936	-	19.780	19.780	
1	Đầu tư cái tạo mặt bằng Layout PX.GCCK (CNC)	1					3.800	3.800	1.298		1.298				
2	Cải tạo mặt bằng Layout PX. Kết cấu thép						4.343	4.343	4.462		4.462				
3	Máy phay CNC3 trục X;Y;Z = 1000/600/500; S = 12.000 rpm	1	1.200	PX.GCC K	Quý 4		1 200	1.200			-	-	1.200	1.200	Vốn tự có và vốn vay
4	Máy tiện CNC, Mâm cặp 6"; S= 5000 rpm	2	3.750	PX.GCC K	Quý 3		7 500	7.500			-	-	7.500	7.500	Vốn tự có và vốn vay
5	Máy phay CNC3 trục X;Y;Z = 500/400/4000; S = 20.000 rpm	2	4.500	PX.GCC K	Quý 4		9 000	9.000			-	-	9.000	9.000	Vốn tự có và vốn vay
6	Máy cắt dây Molip đen 550*650*500	1	300	PX.GCC K	Quý 3		300	300			-	-	300	300	Vốn tự có 100%
7	Máy gia công điện cực than chì	1	300	PX.GCC K	Quý 4		300	300			-	-	300	300	Vốn tự có 100%
8	Máy tiện vạn năng Băng máy dài 3m; đường kính tiện (450 - 600)mm	2	250	PX.GCC K	Quý 4		0,5	0,5			-	-	500	500	Vốn tự có 100%
9	Máy cắt ống tự động D141-D250	1	350				350	350			-				
10	Dây chuyền hàn thanh giằng tự động	2	700				1 400	1.400		375	375				
11	Máy hàn 500A	5	50	PX.KCT	Quý 2		250	250			-	-	250	250	Vốn tự có 100%



STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
12	Máy phun bi	1	650	PX.KCT	Quý 2		650	650			-	-	650	650	Vốn tự có 100%
13	Máy phun sơn cao áp	2	40	PX.KCT	Quý 2		80	80			-	-	80	80	Vốn tự có 100%
14	Máy cắt Laser, kích thước bàn máy 2000x6000mm	1	1.600				1 600	1.600							
15	Dự trữ ngân sách đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đường ống thép	1	50.000		Quý 3		50 000	50.000			-	-			
16	Cầu trục dầm đơn (03 cái)	1	650		Quý 1			-		650	650	-			
17	Hệ thống máy nén khí	1	900		Quý 2			-		606	606	-			
18	Cải tạo nền xưởng và móng máy PX chế tạo ống thép	1	913						887		887				
19	Chế tạo, lắp đặt kết cấu thép nhà bán mái mới	1	900						893		893				
20	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng và điện động lực cho các máy	1	702							475	475				
21	Chế tạo các thiết bị vận chuyển ống thép nội bộ	1	380							174	174				
22	Hệ thống camera của PX chế tạo ống thép	1	88							87	87				
23	02 Palăng cáp điện 3 tấn (Sungdo - Model SM3-H6-MH) PXKC	1	167							149	149				
24	Máy hút bụi phun cát	1	350							350	350				
25	Máy hút bụi phun bi	1	150					-		120	120	-			
26	Bảo dưỡng máy nén khí Xưởng CNC và Kết cấu thép các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	4	30							48	48				
27	Mua phụ tùng, bảo dưỡng các máy sơn	2	30					-		22	22	-			
28	Đổ bê tông đường giữa 2 xưởng cũ và xưởng mới PX KCT	1200	0					-	339		339				
II	Khối SX Đức					-	5.491	5.491	1.177	2.848	4.025	7.330	4.218	11.548	

Handwritten signature

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
1	Cài tạo, sửa chữa xường đập xóc	1	2.250		Quý 4			-	270		270	1.980		1.980	Vốn tự có 100%
2	Máy đập xóc công suất 5 tấn/giờ (3.000 tấn/tháng)	1	4.400		Quý 4			-		182	182	-	4.218	4.218	Vốn tự có 100%
3	Lò TT 2 tấn + BA + Cấp: Số nồi lò:2, Dung tích:2000kg/nồi, điện áp:660V/500Hz, nâng hạ xilanh thủy lực, Nhiệt độ ra lò:1650°C, BA:2000KVA-22/0,66KV	1					3.700	3.700							
4	Cài tạo mặt bằng Layout PX. Nhiệt luyện	1					388	388	129		129				
5	Cài tạo mặt bằng Layout PX. Đúc 2 (Bi đạn)	1					474	474	126		126				
6	Cài tạo mặt bằng Layout PX. Đúc 1 (Phụ tùng)	1					579	579	406		406				
7	Hệ thống hút bụi cho dây chuyền Disa	1					150	150	105		105				
8	Pa năng điện 02 tấn chiều cao nâng 20 mét	1					50	50							
9	Pa năng điện 02 tấn chiều cao nâng 6 mét	1					100	100							
10	Chiller làm mát dầu máy làm khuôn	1					50	50		39	39				
11	Cài tạo sửa chữa bãi tập kết phế liệu	1	2.900		Quý 4			-		-	-	2.900	-	2.900	Vốn tự có và vốn vay
12	Dãi áp phan các trục đường chính	1	1.450		Quý 4			-		-	-	1.450	-	1.450	Vốn tự có và vốn vay
13	Rãnh thoát nước, cảnh quan toàn công ty	1	1.000		Quý 4			-		-	-	1.000	-	1.000	Vốn tự có và vốn vay
14	Hệ thống điều khiển tự động các lò NL	1	500							430	430				
15	Máy nén khí cho PX Đúc 1 (11Kw)	1	100							59	59				
16	Palang cáp điện 3 tấn PX NL	1								68	68				
17	Palang cáp điện 3.2 tấn lắp cho lò nung phôi PX NL	1	34							34	34				
18	Kiểm định an toàn nhà xưởng Đúc 1	1	21		Quý 2				21		21				

CC
KH
L
WG

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
19	Kiểm định an toàn nhà xưởng Đúc 2	1	21		Quý 2				21		21				
20	Kiểm định an toàn nhà kho phụ tùng	1	37		Quý 2			-	37		37				
21	Sửa chữa nâng cấp dây chuyền Disa	1	2.500							1.990	1.990				
22	Băng tải máy phun bi Q3210	1	55					-		43	43				
23	Bảo dưỡng, thay thế máy nén khí Xưởng Đúc 1,2 các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	4	30					-		4	4				
24	Sửa chữa, cải tạo khu vực nhà xưởng và kho mộc mẫu	1	150					-	51		51				
25	Cải tạo lại văn phòng nhiệt luyện	28	1					-	12		12				
III	Khối hỗ trợ					-	8.800	8.800	16	4.293	4.309	-	3.000	3.000	
1	Máy phân tích quang phổ Hitachi high tech OE750 (nền Fe và Al)	1	3.000	Phòng QLCL	Quý 3		3 000	3.000			-	-	3.000	3.000	Vốn tự có và vốn vay
2	Trạm biến áp 2x 1000KVA-22/0,4KV Gồm 02 máy biến áp và các thiết bị đóng cắt bảo vệ phía cao áp. Bao gồm: giao cách ly, chì tự rơi, sứ chống sét.	1	2.000				2 000	2.000		344	344				
3	Mua ô tô phục vụ SX	1	3.800				3 800	3.800		3.723	3.723				
4	Bơm chìm giếng khoan Pentax (PX.CĐ)	1	56							56	56				
5	Điều hòa 2 chiều Daikin (phòng TGĐ)	1	60					-		60	60				
6	Bổ sung các trang bị PCCC cho nhà máy nhôm (Nhà văn phòng 3 tầng). Theo tiêu chuẩn để cấp chứng nhận vào chuỗi cung ứng của khách hàng IKEA	1	122					-		109	109				

10
NG
PH
ĐC
C
AM

Handwritten signature

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
7	Bán mái khu vực rửa ngoài trời, Sơn sửa lại 03 phòng ăn của nhà ăn ca công ty	1	65					-	16		16				
IV	Khởi SX Nhôm					-	17.650	17.650	1.537	4.943	6.479	-	11.419	11.419	
1	Máy cắt nóng Billet 4"	1	500					-		492	492				
2	Kiểm định an toàn nhà xưởng Anot sơn phim + ép	1	105						105		105				
3	Kiểm định an toàn nhà xưởng gia công nhôm	1	47						47		47				
4	Máy cắt CNC hàng công nghiệp ngắn	1	360							331	331				
5	Bọc composite khe bê 12-13 và khe bê 15-16	2	150							15	15				
6	Thay điện cực bê anode	2	200							310	310				
7	Làm mái khu xử lý nước thải PX. Anode Sơn Film	1	150						18		18				
8	Chống dột nhà xưởng GCN	1	150						123		123				
9	Đầu tư cải tạo mặt bằng Layout PX.GCN	1	2.000				2.000	2.000	1.243		1.243				
10	Máy phun cát bề mặt sản phẩm, bao gồm máy nén khí trục vít 75kw + bình tích áp 3m3	1	2.300	PX.Đùn ép	Quý 1-2		2 300	2.300			-	-	2.300	2.300	Vốn tự có và vốn vay
11	Máy ép ráp khuôn đùn ép	1	100	PX.Đùn ép	Quý 1-2		100	100			-	-	100	100	Vốn tự có 100%
12	Hệ thống cưa cắt sản phẩm, hút phoi cưa sản phẩm	3	500	PX.Đùn ép	Quý 3-4		1 500	1.500			-	-	1.500	1.500	Vốn tự có và vốn vay
13	Máy đóng gói nhôm thanh màng co	1	1.900	PX.Đùn ép			1 900	1.900		1.464	1.464				
14	Máy đo nhiệt độ lò sấy sản phẩm sơn	1	250	PX.AN-SF	Quý 1		250	250			-	-	250	250	Vốn tự có 100%
15	Máy khoan nhiều đầu	1	250	PX.GCN	Quý 2		250	250			-	-	250	250	Vốn tự có 100%
16	Máy cắt 2 đầu	1	1.700	PX.GCN	Quý 3		1 700	1.700			-	-	1.700	1.700	Vốn tự có và vốn vay

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
17	Đầu tư nâng cấp công nghệ Anode bề mặt sản phẩm nhôm	3	600	PX.AN-SF			1.800	1.800		777	777		1.023	1.023	Vốn tự có 100%
18	Lò thấm Ni tơ khuôn đùn ép nhôm	1	2.000	PX.Đùn ép	Quý 3-4		2.000	2.000			-	-	2.000	2.000	Vốn tự có và vốn vay
19	Súng phun sơn tĩnh điện Gema cho robot sơn tự động	2	100	PX.AN-SF	Quý 1		200	200			-	-	200	200	Vốn tự có 100%
20	Máy phay chép hình	1	150	PX.GCN	Quý 2		150	150			-	-	150	150	Vốn tự có 100%
21	Máy đột dập tổ hợp + Khuôn đồng bộ	2	100	PX.GCN	Quý 2		200	200			-	-	200	200	Vốn tự có 100%
22	Máy khoan lỗ bản lề cửa nhôm	1	300	PX.GCN	Quý 2		300	300			-	-	300	300	Vốn tự có 100%
23	Giá kệ phục vụ layout 2024	1	1.000	PX.GCN	Quý 2		1.000	1.000			-	-	1.000	1.000	Vốn tự có 100%
24	Thiết bị, máy móc phục vụ việc gia công, sản xuất sản phẩm Khung tranh IKEA		2.000		2024	-	2.000	2.000	-	1.554	1.554	-	446	446	Vốn tự có 100%
24,1	Máy cắt nhôm	1	340	PX.GCN			340	340		371	371	-	(31)	(31)	
24,2	Máy mài khung tranh	1	168	PX.GCN			168	168		185	185	-	(17)	(17)	
24,3	Máy đóng gói khung tranh	1	273	PX.GCN			273	273		293	293	-	(20)	(20)	
24,4	Máy ghép ke góc	1	268	PX.GCN			268	268		284	284	-	(17)	(17)	
24,5	Máy ép khung tranh (150-500mm)	1	100	PX.GCN			100	100		122	122	-	(22)	(22)	
24,6	Máy ép khung tranh (500-1000mm)	1	100	PX.GCN			100	100		123	123	-	(23)	(23)	
24,7	Hạng mục phụ trợ	1	752	PX.GCN			752	752		177	177	-	575	575	
V	ĐẦU TƯ CƠ SỞ SẢN XUẤT SỐ 2					140.000	-	140.000	5.067	20.232	25.299	19.622	82.589	102.212	
1	Mua đất và đầu tư XCB + DP	1	130.000			140.000	-	140.000	5.067	20.232	25.299	19.622	82.589	102.212	
2	Mua sắm thiết bị														

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
	Dây chuyền Disa mới C3-250: Máy C3-250, tốc độ 250 khuôn /h. Bao gồm nhà xưởng mới, lò tiết kiệm điện, các hệ thống băng tải, kết cấu thép kèm theo, thiết bị thí nghiệm, máy xóc, máy phun bi (Dự án đầu tư cải tạo ...)				Quý 4				5.067	20.232	25.299	14.622	82.589	97.212	Vốn tự có và vốn vay
	Dây chuyền đúc Áp lực nhôm, ma nhê, kẽm + TB phụ trợ hoàn chỉnh														
	Dây chuyền đun nhôm, Xử lý nhiệt và xử lý bề mặt nhôm (sơn, anode, phun bi, đánh bóng...)														
	Dây chuyền gia công công nghệ cao														
	- Chuẩn bị đầu tư (Nghiên cứu, khảo sát, lập và trình phê duyệt BC NCKT)				Quý 3/2025			-				5.000	-	5.000	

Ghi chú: Ngoài các hạng mục đã có phê duyệt và/hoặc có cơ cấu nguồn vốn huy động rõ ràng, các hạng mục còn lại, Công ty đang dự kiến cơ cấu nguồn vốn huy động như sau: Vốn tự có/Vốn vay là 3/7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhân:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT



Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH MỚI ĐẦU TƯ TSCĐ VÀ SỬA CHỮA LỚN NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 ban hành ngày 23/04/2025)

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
A	B	C	2	2	3	4	5	6=(3)+(4)+(5)	7	8	9
	TỔNG CỘNG (A+B)				19.333	187.663	-	206.996	-	-	
A	KẾ HOẠCH MỚI ĐẦU TƯ TSCĐ				484	182.059	-	182.543	-	-	
A1	PHẦN VP CÔNG TY				440	144.757	-	145.197			
I	Khối SXKC thép				-	77.093	-	77.093			
1	Máy lọc tôn thủy lực 4 trục	1		Quý 2-3		4.400		4.400	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có và vốn vay
2	Giá đỡ con lăn (2 cái/bộ)	3		Quý 2-3		264		264	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có 100%
3	Cầu trục 3 tấn	1		Quý 2-3		330		330	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có 100%
4	Cổng trục 35 tấn	1		Quý 2		1.100		1.100	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có và vốn vay
5	Cầu trục 5 tấn	2		Quý 3		770		770	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có và vốn vay
6	Hệ thống máy cưa vòng	1		Quý 2-3		550		550	Mới 100%	PX.KCT	Vốn tự có 100%
7	Cầu trục 3 tấn cho xưởng SX ống	1		Quý 3-4		385		385	Mới 100%	PX.KCT	Vốn tự có 100%
8	Dự án Đúc áp lực	1		Quý 2		69.294		69.294	Mua mới	PX.GCCK	Vốn tự có và vốn vay
II	Khối SX Đúc				440	19.753	-	20.193			
1	Lò buồng rút đáy (lò điện hoặc lò gas).	1		Quý 4		1.230		1.230	Mới 100%	PX. NL	Vốn tự có và vốn vay
2	Hệ thống hút bụi và xử lý khói dầu dây chuyền tôi ram liên tục 50T/giờ	1		Quý 2		1.870		1.870	Mới 100%	PX. NL	Vốn tự có và vốn vay
3	Máy phun bi (để phun bi cho đúc phụ tùng dc mới)	1		Quý 3		1.960		1.960	Mới 100%	PX. NL	Vốn tự có và vốn vay
4	Cải tạo hệ thống 2 lò trung tần xưởng Đúc phụ tùng	2		Quý 3		550		550	Mới 100%	PX.Đúc 1	Vốn tự có 100%
5	Xe nâng chạy dầu 2.5 tấn	1		Quý 3		660		660	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
6	Cầu quay 1 tấn bán kính 4.5m cao 3.2m phục vụ lò 5 tấn đúc bi	1		Quý 2		275		275	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
7	Cầu trục 5 tấn 2 dầm đúc phụ tùng (phần xe con)	1		Quý 3		220		220	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
8	Cầu trục 5 tấn khu vực lò trung tần 5 tấn	1		Quý 2		440		440	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%



STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
9	Thiết bị phân tích hỗn hợp cát tươi phục vụ cho dây chuyền DISA mới	1		Quý 2-3		990		990	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
10	Thiết bị đo CE gang cầu	1		Quý 2-3		330		330	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
11	Hệ thống PCCC	1		Quý 3		1.100		1.100	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
12	Băng tải chuyển liệu lên sàn lò trung tần 5 tấn	2		Quý 3		800		800	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
13	Xe cấp liệu vào lò trung tần 5 tấn	2		Quý 3		800		800	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
14	Xe goòng vận chuyển	5		Quý 2		880		880	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
15	Quạt hút khói nhà Đúc	3		Quý 1		572		572	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
16	Hệ thống hút bụi máy đập xóc	1		Quý 3		1.650		1.650	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
17	Hệ thống sấy nôi rót tự động	1		Quý 1		275		275	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
18	Văn phòng, phòng phân tích PX Đúc	1		Quý 2	440	440		880	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
19	Thiết bị cầu hóa	1		Quý 3		1.430		1.430	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
20	Thiết bị mài, chọn, cân bi	1		Quý 2		300		300	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
21	Hệ thống cấp tín hiệu kết nối lò DCNL mới với hệ thống theo dõi và điều khiển tự động	1		Quý 2		165		165	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
22	Bể tôi dây chuyền tôi liên tục 50T	1		Quý 2		132		132	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
23	Hệ thống điện cho PX NL	1		Quý 1		1.650		1.650	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
24	Hệ thống làm mát dầu PX NL	1		Quý 2		770		770	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
25	Pa lăng vận chuyển bi dây chuyền nhiệt luyện	3		Quý 3		264		264	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
III	Khối hỗ trợ				-	47.636	-	47.636			
1	Mua xe ô tô mới carlivan	1		Quý 2		1.650		1.650	Mua mới	Phòng HC	Vốn tự có 100%
2	Hệ thống camera	1		Quý 3		1.100		1.100		Phòng HC	Vốn tự có 100%
3	Xe cầu tự hành 15 tấn	1		Quý 1		4.400		4.400		PX.Cơ Điện	Vốn tự có và vốn vay
4	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 3MW và hệ thống lưu điện	1		Quý 4		38.500		38.500	Mới 100%	PX.Cơ Điện	Vốn tự có 100%
5	Máy thử độ dai và va đập thép	1		Quý 2		220		220	Mới 100%	Phòng QLCL	Vốn tự có 100%
6	Máy soi tổ chức tế vi (soi cầu hóa phục vụ hàng xuất khẩu)	1		Quý 2		550		550	Mới 100%	Phòng QLCL	Vốn tự có 100%
7	Máy đo chiều dày lớp phủ (nền Fe + AL) phục vụ đo kiểm hàng xuất khẩu	1		Quý 3		116		116	Mới 100%; Xuất xứ Đức hoặc Nhật	Phòng QLCL	Vốn tự có 100%
8	Hệ thống kiểm soát ra, vào thông minh	1		Quý 2		1.100		1.100	Mới 100%	Phòng TCNS	Vốn tự có 100%
IV	Khối kinh doanh				-	275	-	275			
1	Phần mềm quản lý hợp đồng	1		Quý 2		275		275	Mua mới	Phòng KD1	Vốn tự có 100%
A2	PHẦN NM NHÔM				-	20.752	-	20.752			
1	Dây chuyền gia công khung tủ quần áo. Sản phẩm mới của khách hàng IKEA	1		Quý 1		6.200		6.200	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có và vốn vay

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
2	Dây chuyền gia công khung cánh tủ bếp BJÖRKSTA. Sản phẩm mới của khách hàng IKEA	1		Quý 2		4.200		4.200	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có và vốn vay
3	Máy phay góc khung tranh	1		Quý 2		198		198	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có 100%
4	Xe nâng điện kéo tay (phục vụ chuyển hàng trong kho bốc và đóng container)	1		Quý 2		521		521	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có 100%
5	Bộ súng phun sơn tĩnh điện tự động (Bộ điều khiển + Súng + Phụ kiện)	12		Quý 2		1.452		1.452	Mua mới 100%	PX.AN-SF	Vốn tự có và vốn vay
6	Máy màng co nhiệt	1		Quý 2		281		281	Mua mới 100%	PX.Đùn Ép	Vốn tự có 100%
7	Vò con lăn, đai ni dân băng tải 3 máy đùn ép (vò con lăn chịu nhiệt dọc puller 3 máy ép, đai tải chịu nhiệt số 1, đai tải chịu nhiệt số 2, đai tải chịu nhiệt số 3, đai tải chịu nhiệt số 4, vò con lăn chịu nhiệt dọc máy cưa sản phẩm, đai tải ni không chịu nhiệt máy cưa sản phẩm)	215		Quý 2		880		880	Mua mới 100%	PX.Đùn Ép	Vốn tự có 100%
8	Mở rộng năng lực anode, mẫu mới, sản phẩm mới	1		Quý 3		2.200		2.200	Mới 100%		Vốn tự có và vốn vay
9	Các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, gia công, lắp ráp Nhà phi thuyền "Wonder Boat"	1		Quý 2-3		2.200		2.200	Mới 100%		Vốn tự có và vốn vay
10	Hệ thống cưa sắt sản phẩm, hút phoi cưa sản phẩm	3		Quý 3		1.650		1.650	Mua mới	PX.Đùn Ép	Vốn tự có và vốn vay
11	Phần mềm thiết kế - bóc tách nhôm kính	1		Quý 2		550		550	Mua mới	Phòng CKĐA Windows	Vốn tự có 100%
12	Máy phay CNC 1 đầu dao	1				420		420	Mua mới		Vốn tự có 100%
A3	CỘNG (A1+A2)				440	165.508	-	165.948			
	Dự trừ kinh phí dự phòng phát sinh (10%)				44	16.551		16.595			Vốn tự có và vốn vay
B	KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN TSCĐ				18.849	5.605	-	24.453			
BI	SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ				-	5.095	-	5.095			
I	Khối SX đúc				-	2.330	-	2.330			
1	Dây điện trở lò NL05 (lò H90)	1		Quý 3		200		200		PX.NL	Vốn tự có 100%
2	Bảo dưỡng, thay thế máy nén khí Xưởng Đúc 1,2 các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	4		Quý 2		200		200		PX.Đúc 1.2	Vốn tự có 100%
3	Chuyển đổi tháp làm mát lò từ dạng hở sang dạng kín của 2 lò đúc 1	2		Quý 1÷2		1.000		1.000		PX.NL	Vốn tự có 100%
4	Sửa chữa lò trung tần nấu thép	2		Quý 2,3		340		340		PX.Đúc	Vốn tự có 100%
5	Xây sửa, thay dây điện trở lò H90; NL15	1		Quý 3		200		200		PX.NL	Vốn tự có 100%

33
T
I
A
I
NG
JG
1-1

Blue

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
6	Giàn tụ lò trung tần thay thế cho lò 1,2,3,4	1		Quý 2,3		200		200		PX.Đúc	Vốn tự có 100%
7	Biến áp 3P/80KVA thay cho lò H90	2		Quý 3		190		190		PX.NL	Vốn tự có 100%
II	Khối SX Kết cấu thép				-	650	-	650			
1	Mua phụ tùng, linh kiện thay thế, thuê ngoài sửa chữa cho các máy CNC	1		Quý 2		500		500		PX.KCT, PX.GCCK	Vốn tự có 100%
2	Bảo dưỡng máy nén khí Xưởng CNC và Kết cấu thép các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	3		Quý 2		150		150		PX.KCT, PX.GCCK	Vốn tự có 100%
	Khối hỗ trợ				-	-	-	-			
1	Bảo dưỡng máy phân tích quang phổ	1		Quý 2		-		-		P.QLCL	Vốn tự có 100%
III	Khối SX Nhôm				-	2.115	-	2.115	-	-	
1	Bảo dưỡng máy nén khí PX. Ép, Sonfilm, GCN các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc, vòng bi...	5		Quý 2		250		250			Vốn tự có 100%
2	Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng máy lạnh từ làm mát gián tiếp sang trực tiếp	2		Quý 2		700		700		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
3	Bọc rãnh nước thải (m)	150	PX.AN-SF	Quý 1		300		300		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
4	Thay thế hạt nhựa hệ thống tháp DI son film (1 than, 1 anion, 1 cation)	1	PX.AN-SF	Quý 1		150		150		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
5	Sửa chữa bảo dưỡng 03 máy lạnh	3	PX.AN-SF	Quý 2		255		255		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
6	Sửa chữa bảo dưỡng máy ép bùn	2	PX.AN-SF	Quý 2		160		160		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
7	Cải tạo, mở rộng lò sấy TXL son film	1		Quý 1		100		100		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
8	Sửa chữa trần khu chính lưu và ED	200		Quý 2		200		200		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
B2	XÂY DỰNG CƠ BẢN				17.135	-	-	17.135			
I	Khối SX đúc				5.500	-	-	5.500	-	-	
1	Tháo dỡ, xây lại hệ thống nhà xưởng Nhiệt Luyện cũ 1200m².	1		Quý 3+4	5.000			5.000		PX.NL	Vốn tự có 100%
2	Thi công, lắp đặt mái inox nhà xưởng Nhiệt Luyện cũ	1		Quý 1	150			150		PX.NL	Vốn tự có 100%
3	Thi công, lắp đặt mái inox nhà xưởng Đúc 2 cũ	1		Quý 1	150			150		PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
4	Trát lại các phần tường bị bong tróc và sơn lại tường nhà xưởng Disa cũ	1		Quý 4	200			200		PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
II	Khối hỗ trợ				11.285	-	-	11.285			
1	Làm đường hành lang dọc tường rào phía đông công ty	800		Quý 2	520			520			Vốn tự có 100%
2	Cải tạo đường thoát nước xung quanh PX.Đúc, PX.NL, PX.GCCK, PX.CĐ	900		Quý 2	1.215			1.215			Vốn tự có 100%
3	Hệ thống rãnh thoát nước khu vực bãi liệu mới, PX.Đúc, PX.Đập xóc, PX.NL mới	600		Quý 1	930			930			Vốn tự có 100%
4	Đổ bê tông nền xung quanh bể và chống thấm các bể nước làm mát PX.Đúc	1		Quý 1	900			900			Vốn tự có 100%

Handwritten signature

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
5	Làm lại công + biển led công số 1	1		Quý 1	250			250			Vốn tự có 100%
6	Chữ CKĐA và tên Công ty trên nóc nhà xưởng NMN	1		Quý 1	280			280			Vốn tự có 100%
7	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh khu vực đúc mới	1		Quý 1	250			250			Vốn tự có 100%
8	Bảo trì, vệ sinh định kỳ mái các nhà xưởng	1		Quý 1	300			300			Vốn tự có 100%
9	Cải tạo, sửa sang hệ thống điện tự động chiếu sáng, các nhà vệ sinh chung của các tòa nhà	1		Quý 3	300			300			Vốn tự có 100%
10	Tường rào từ cổng số 2 đến đầu đường Quốc lộ 3 tường 220	550		Quý 3	660			660			Vốn tự có 100%
11	Đổ bê tông các trục đường chính	1		Quý 1-2	1.100			1.100			Vốn tự có 100%
12	Sửa nhà vệ sinh khu 2 tầng KCS+RD	1		Quý 2	130			130			Vốn tự có 100%
13	Sửa đường, rãnh thoát nước, trạm bơm, Cảnh quan toàn công ty.	1		Quý 1-4	1.000			1.000			Vốn tự có 100%
14	Dãi áp phan các trục đường chính	3643			1.450			1.450			Vốn tự có 100%
15	Sửa chữa mái, chống dột, hạ tầng XDCB, các VP làm việc;...	1		Quý 4	2.000			2.000		Các PX, VPLV	Vốn tự có 100%
III	Khối SX Nhôm				350	-	-	350	-	-	
1	Thay mới toàn bộ cửa nhà 3 tầng văn phòng Nhôm	140			350			350		Văn phòng nhôm	Vốn tự có 100%
	CỘNG (B1+B2)				17.135	5.095	-	22.230	-	-	
B3	DỰ TRÙ KINH PHÍ DỰ PHÒNG PHÁT SINH (10%)				1.714	510		2.223			Vốn tự có và vốn vay


Ghi chú: Ngoài các hạng mục đã có phê duyệt và/hoặc có cơ cấu nguồn vốn huy động rõ ràng, các hạng mục còn lại, Công ty đang dự kiến cơ cấu nguồn vốn huy động như sau: Vốn tự có/Vốn vay là 3/7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT


TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH

CAO TRƯỜNG THỤ

PHỤ LỤC 3
KẾ HOẠCH THANH LÝ TSCĐ TRONG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 ban hành ngày 23/04/2025)

STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng cộng (I+II)							31.129.073.022	31.129.073.022	0	556.500.000			
I	PHẦN VĂN PHÒNG CÔNG TY						26.939.151.145	26.939.151.145	-	459.500.000			
1	Xe nâng hàng NISSAN 4,5 tấn	1	PX.Cơ điện	1999	2003	Nhật Bản	253.465.200	253.465.200	0	20.000.000	Xe cũ kém, hiện tại đang hỏng nặng không còn sử dụng được.	Bán thanh lý	
2	Phòng sơn sấy đồng bộ	1	PX.KCT	2015	2016	Trung Quốc	168.000.000	168.000.000	0		Máy hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
3	Máy hàn CO2 MAG KRII-500 - PX.KC	1	PX.KCT	2019	2019	Nhật Bản	44.800.000	44.800.000	0		Máy hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
4	Hệ thống hút bụi máy xóc bi - ĐII	1	PX.Đúc 2	2006	2007	Việt Nam	305.191.479	305.191.479	0		Máy hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
5	Máy cắt dây CNC - FWIPEDM	1	PX.CNC	2009	2009	Trung Quốc	430.400.000	430.400.000	0	10.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng, hiện tại đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
6	Máy Phay Kim loại CNC - 10M	1	PX.CNC	2009	2009	Nhật Bản	190.600.000	190.600.000	0	30.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng, hiện tại đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
7	Máy xung điện SA20	1	PX.CNC	2009	2009	Trung Quốc	1.065.000.000	1.065.000.000	0	20.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng	Bán thanh lý	
8	Máy xung điện điều khiển số CNC	1	PX.CNC	2011	2011	Trung Quốc	1.215.696.000	1.215.696.000	0	20.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng	Bán thanh lý	
9	Máy cắt gọt WASINO -250mm - T40	1	PX.GCCK	1967	2007	Nhật Bản	67.000.000	67.000.000	0	10.000.000	Thiết bị đang hỏng nặng không sử dụng được	Bán thanh lý	
10	Máy cắt gọt KYOKUTO chống tâm 1800	1	PX. GCCK	1967	2007	Nhật Bản	110.000.000	110.000.000	0	15.000.000	Thiết bị đang hỏng nặng không sử dụng được	Bán thanh lý	
11	Máy cắt gọt TAKISAWA-T39	1	PX.GCCK	1967	2007	Nhật Bản	62.000.000	62.000.000	0	10.000.000	Thiết bị đang hỏng nặng không sử dụng được	Bán thanh lý	
12	Lò tôi điện trở H58 - NL5	1	PX.NL	1990	2000	Liên Xô cũ	45.714.000	45.714.000	0	15.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
13	Lò thấm than M66-9M10 - NL11	1	PX.NL	1989	1989	Đức	60.000.000	60.000.000	0	15.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
14	Dây chuyền TĐH nhiệt luyện	1	PX.NL	2001	2001	Việt Nam	368.900.000	368.900.000	0		Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
15	Dây chuyền TĐH nhiệt luyện	1	PX.NL	2001	2001	Việt Nam	368.900.000	368.900.000	0		Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
16	Lò nhiệt luyện (Lò Giếng) KEC - 35-12	1	PX.NL	2009	2009	Trung Quốc	135.845.000	135.845.000	0	40.500.000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
17	Máy nén khí Piston 11 KW	1	PX.NL	2015	2016	Đài Loan	71.000.000	71.000.000	0	2.000.000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	



STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
18	Lò tôi điện trở H90 -07 -NL15	1	PX.NL	2007	2007	Việt Nam	440.635.618	440.635.618	0	15.000.000	Lò đang hỏng nặng, đã tháo dỡ gạch và dây điện trở bên trong lò, tủ điện đã hỏng nặng	Bán thanh lý	
19	Máy phun bi WMT-60 - PB1	1	PX.NL	1995	1996	USA	683.926.953	683.926.953	0	25.000.000	Thiết bị đã cũ kém, hệ thống cánh phun bi hay phải sửa chữa, buồng hút bụi kém, máy làm việc kém hiệu quả	Bán thanh lý	
20	Máy nén khí kiểu trục vít GA55C - 7,5	1	PX.Cơ điện	2005	2005	Bi	410.000.000	410.000.000	0	10.000.000	Thiết bị cũ kém, hiện tại đang hỏng	Bán thanh lý	
21	Đường điện AC 35 (Giá trị nâng cấp đường 35KVA)	1	PX.Cơ điện	1993	1993	Việt Nam	31.700.000	31.700.000	0		Đã tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án mới	Bán thanh lý	
22	Đường điện 35 KV (hạ thế từ máy BA 35KV)	1	PX.Cơ điện	1995	1995	Việt Nam	155.360.056	155.360.056	0		Đã tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án mới	Bán thanh lý	
23	Đường điện 35 KV (hạ thế từ máy BA 35KV)	1	PX.Cơ điện	1995	1995	Việt Nam	119.550.000	119.550.000	0		Đã tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án mới	Bán thanh lý	
24	Đường điện 6 KV - Được nâng cấp 22KV	1	PX.Cơ điện	1995	1995	Việt Nam	158.068.504	158.068.504	0		Tháo dỡ đường dây chuyển sang trạm BA mới (theo gói thầu 06 - DA nâng cấp PX.Đúc)	Bán thanh lý	
25	Máy bơm chìm giếng khoan Pentax 6s 70-7	1	PX.Cơ điện	2017	2017	Italia	52.190.909	52.190.909	0		Thiết bị đang hỏng nặng	Bán thanh lý	
26	Máy bơm chìm giếng khoan Pentax 6s 70-7	1	PX.Cơ điện	2018	2018	Italia	54.900.000	54.900.000	0		Thiết bị đang hỏng nặng	Bán thanh lý	
27	Cột bơm xăng dầu kép (1 cái)-2008	1	CH Xăng dầu	2008	2008	Liên doanh Nhật Bản	52.606.610	52.606.610	0	1.000.000	Thiết bị hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
28	Cột kép bơm điện tử xăng dầu	1	CH Xăng dầu	2010	2010	Nhật Bản	115.500.000	115.500.000	0	1.000.000	Thiết bị hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
29	D/C làm khuôn đúc T.động Disamatic	1	PX.Đúc 2	1997	1998	Đan Mạch	19.702.200.816	19.702.200.816	0	200.000.000	Thiết bị quá cũ hay hỏng	Bán thanh lý	
II PHẦN NHÀ MÁY NHÔM							4.189.921.877	4.189.921.877	0	97.000.000			
1	Máy ép bùn thủy lực	1	PX.AN-SF	2007	2007	Trung Quốc	120.391.000	120.391.000	0	10.000.000	Thiết bị đang hỏng	Bán thanh lý	
2	Máy dán băng dính	1	PX.AN-SF	2017	2017	Việt Nam	77.000.000	77.000.000	0	5.000.000	Thiết bị đang hỏng	Bán thanh lý	
3	Máy dán nilon bảo vệ sản phẩm nhôm	1	PX.AN-SF	2009	2010	Trung Quốc	77.697.900	77.697.900	0	5.000.000	Thiết bị đang hỏng	Bán thanh lý	
4	Máy cưa billét 4"	1	PX.Đùn Ép	2004	2005	Hàn Quốc	714.014.258	714.014.258	0	15.000.000	Thiết bị đang hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
5	Máy phun cát mờ đồng bộ	1	PX.Đùn Ép	2004	2005	Đài Loan	1.645.399.467	1.645.399.467	0	40.000.000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
6	Máy đột dập nhôm cửa cuốn	2	PX.Đùn Ép	2010	2010	Việt Nam	74.414.000	74.414.000	0	1.000.000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
7	Máy ép phế liệu số 2	1	PX.Đùn Ép	2014	2014	Việt Nam	343.176.250	343.176.250	0	1.000.000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
8	Máy phun cát làm sạch bề mặt khuôn	1	PX.Đùn Ép	2016	2016	Việt Nam	36.000.000	36.000.000	0		Không sử dụng do công nghệ không phù hợp	Bán thanh lý	
9	Máy photocopy Toshiba E Studio 507	1	P.CKDA Windows	2019	2019	Nhật Bản	36.500.000	36.500.000	0		Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
10	Máy ghép góc 90o-BaihaXX-11166	1	PX.GCN	2010	2011	Italia	203.441.041	203.441.041	0		Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
11	Máy ghép góc Model:GZJ02-120	2	PX.GCN	2011	2011	Trung Quốc	102.953.900	102.953.900	0	20.000.000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
12	Máy uốn nhôm thanh KS-W1012S	1	PX.GCN	2012	2012	Trung Quốc	758.934.061	758.934.061	0		Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	

391-C
TY
AN
NG ANH
XGI
T.P.H

STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Chi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CAO TRƯỜNG THỤ

C.P. ★ K.

*Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025***PHỤ LỤC 04****V/v: Danh sách mã ngành cần bổ sung phù hợp với lĩnh vực Tổng thầu EPC***(Đính kèm nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025**– Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi)*

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Xây dựng nhà các loại - Chi tiết: Xây dựng nhà dân dụng, công nghiệp, văn phòng, nhà xưởng...	4101
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng - Chi tiết: Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở hạ tầng...	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
	Xây dựng công trình đường bộ	4212
4	Xây dựng công trình công ích - Chi tiết: Nhà máy xử lý nước, rác thải, trạm bơm, hệ thống cấp thoát nước...	4220
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Công trình công nghiệp đặc thù, không phân loại cụ thể	4290
6	Lắp đặt hệ thống điện - Chi tiết: Điện động lực, chiếu sáng, tủ điện, điện trung – hạ thế...	4321
7	Hoàn thiện công trình xây dựng - Chi tiết: Sơn bả, lắp dựng nội thất, hoàn thiện nhà xưởng...	4330
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Kết cấu thép, nhà thép tiền chế, công trình đặc thù...	4390
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Thiết bị công nghiệp, điện, điều khiển, môi trường, năng lượng...	4659
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Ống cấp thoát nước, dây cáp điện, van, phụ kiện, thiết bị phụ trợ...	4663
11	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12	Sản xuất máy thông dụng khác - Chi tiết: Thiết bị phụ trợ phi tiêu chuẩn, modul cơ khí, skids...	2819
13	Sản xuất điện	3511

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
	- Chi tiết: Nhà máy điện mặt trời, điện gió, trạm biến áp	
14	Truyền tải và phân phối điện	3512
15	Thoát nước và xử lý nước thải - Chi tiết: Nhà máy xử lý nước, rác, hệ thống lọc nước	3700
16	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
17	Sản xuất động cơ, tua-bin - Chi tiết: Thiết bị công nghiệp, băng tải, trạm trộn...	2811
18	Sản xuất thiết bị sử dụng trong công nghiệp	2812
19	Tư vấn công nghệ thông tin và quản lý hệ thống máy tính - Chi tiết: SCADA, IoT, điều khiển trung tâm, PLC/HMI...	6202

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CAO TRƯỜNG THỤ



BIÊN BẢN**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00', ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại hội trường Tầng 3, Trụ sở Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi (sau đây gọi là Đại hội).

A. KHAI MẠC ĐẠI HỘI**I. Khai mạc đại hội:**

* Đại hội đã nghe Nguyễn Thế Hạnh – Ban Tổ chức thường trực, thay mặt Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

1. Thành phần tham dự:

- Cổ đông của Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi có trong danh sách chốt ngày 27/3/2025.

- Đại diện cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị và các cá nhân liên quan.

- Đại hội vinh dự được đón nhận sự hiện diện của các quý đại biểu:

+ Đại diện Tổng Công ty LICOGI – CTCP:

Ông Nguyễn Danh Quân – TVHĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty LICOGI – CTCP

Ông Nguyễn Anh Dũng – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty LICOGI - CTCP

Cùng các ông bà Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty.

* Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thế Hạnh – Ban Tổ chức thường trực, giới thiệu Ban kiểm tra tư cách Đại hội (theo quyết định số 23 QĐ/CKĐA/HĐQT ngày 25/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty):

1. Ông Lại Duy Thức - Trưởng ban

2. Ông Đỗ Hồng Quân - Thành viên

3. Bà Đỗ Thu Phương - Thành viên

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và hướng dẫn cổ đông biểu quyết tại Đại hội:

* Đại hội đã nghe ông Lại Duy Thức – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm 8h45' ngày 23/4/2025:

a. Tổng số cổ đông của công ty: 677 cổ đông.

Hiện sở hữu tổng số: 31.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

b. Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội: 242 cổ đông - Đại diện cho quyền sở hữu: 28.634.701 cổ phần. Chiếm tỷ lệ 92.37% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định tại Điều 145 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và Điều 29 Điều lệ Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi quy định: “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết”, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi (Công ty) là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

* Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thế Hạnh – Ban Tổ chức thường trực, đọc hướng dẫn cổ đông biểu quyết tại Đại hội.

II. Bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu:

Sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến cho Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu, Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần biểu quyết, thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu với các thành viên như sau:

Đoàn Chủ tịch đại hội

- | | | |
|-------------------------|-------------------|----------------------------|
| 1. Ông Cao Trường Thụ | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tịch đoàn |
| 2. Ông Nguyễn Danh Quân | - Thành viên HĐQT | - Thành viên đoàn chủ tịch |
| 3. Ông Lã Quý Duẩn | - Thành viên HĐQT | - Thành viên đoàn chủ tịch |

Ban Thư ký đại hội

- | | | |
|-------------------------|-----------------|-------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Hồng Vân | - Chánh VP HĐQT | - Trưởng Ban Thư ký |
| 2. Bà Nguyễn Xuân Thủy | - NV P. TCNS | - Thành viên Ban Thư ký |

Ban kiểm phiếu

- | | | |
|------------------------|----------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Thế Hạnh | - PP. Tổ chức nhân sự | - Trưởng ban |
| 2. Ông Lại Duy Thức | - TP Kinh doanh thương mại | - Thành viên |
| 3. Bà Đỗ Thu Phương | - Phòng Kinh doanh Nhân | - Thành viên |
| 4. Ông Dương Ngọc Vân | - Ban Tài chính kế toán | - Thành viên |
| 5. Ông Đỗ Hồng Quân | - TP Quản lý chất lượng | - Thành viên |

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội:

* Đại hội đã nghe Ông **Lã Quý Duẩn** – Thành viên Đoàn chủ tịch công bố Chương trình và Quy chế Đại hội, Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình, Quy chế đại hội với tỷ lệ như sau:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Nội dung Đại hội:

1. Đại hội đã nghe Ông **Cao Trường Thụ** – Chủ tọa Đại hội trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị trước Đại hội về việc kết quả thực hiện năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 (Có báo cáo đính kèm).

2. Đại hội đã nghe Ông **Lã Quý Duẩn** – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 trước đại hội (Có báo cáo đính kèm).

3. Đại hội đã nghe Bà **Hoàng Thị Kim Liên** – Phụ trách Kế toán, TB Tài chính Kế toán Công ty trình bày Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán trước đại hội (Có báo cáo đính kèm).

4. Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Anh Dũng** – Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát (Có báo cáo đính kèm) và Tờ trình thông qua danh sách lựa chọn Công ty kiểm toán cho Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi trong năm tài chính 2025 (Có tờ trình số 16./CKĐA/BKS ngày 23/4/2025 đính kèm) trước đại hội.

5. Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Danh Quân** – Thành viên Đoàn chủ tịch trình bày các tờ trình sau trước đại hội.

- Tờ trình kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, thanh lý TSCĐ năm 2025 (Có tờ trình số 30 -TT/CKĐA/HDQT ngày 23/4/2025 đính kèm);

- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025 (Có tờ trình số 26 TT/CKĐA/HDQT ngày 23/4/2025 đính kèm);

- Tờ trình về thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 (Có tờ trình số 25 TT/CKĐA/HDQT ngày 23/4/2025 đính kèm);

- Tờ trình về bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực Tổng thầu EPC

6. Đại hội đã tiến hành thảo luận và lấy phiếu biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình trên.

* Các ý kiến kiến thảo luận: Không có.

* Không có ý kiến nào khác. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu các nội dung trên.

10. Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Thế Hạnh** – Trưởng ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các báo cáo, tờ trình:

10.1. Số phiếu biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết phát ra:	44	(Phiếu)
Số cổ phần tham gia biểu quyết tương ứng:	28,657,001	(Cổ phần)
Tổng số phiếu biểu quyết thu về:	42	(Phiếu)
Số cổ phần tham gia biểu quyết tương ứng:	28,621,801	(Cổ phần)
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	42	(Phiếu)
Số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ tương ứng:	28,621,801	(Cổ phần)
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:		(Phiếu)
Số cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ tương ứng:		(Cổ phần)

10.2. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua:

T T	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Tổng CP biểu quyết hợp lệ	Tổng CP biểu quyết không hợp lệ	TÁN THÀNH		KHÔNG TÁN THÀNH		KHÔNG CÓ Ý KIẾN		Kết quả
				Số CP	Tỷ lệ tổng số CP tham gia biểu quyết	Số CP	Tỷ lệ tổng số CP tham gia biểu quyết	Số CP	Tỷ lệ tổng số CP tham gia biểu quyết	
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
2	Báo cáo của Tổng giám đốc tại Đại hội	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
3	Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
5	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
6	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và thanh lý TSCĐ năm 2025 (bao gồm các phụ lục đính kèm)	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
7	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
8	Mức thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua
9	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0.0%	Thông qua
10	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025	28,621,801	-	28,582,500	99.74%	-	0%	39,301	0.14%	Thông qua
11	Bổ sung ngành nghề kinh doanh phục vụ hoạt động Tổng thầu EPC	28,621,801	-	28,621,801	100%	-	0%	-	0%	Thông qua

301-C
Y
N
3 ANH
31
T.P.HÀ

11. Biên bản Đại hội đã được đọc công khai trước toàn thể đại hội đồng cổ đông và đã được thông qua tại Đại hội với 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại đại hội.

Seau

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 11 giờ 00' ngày 23/4/2025.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH ĐOÀN



BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TRƯỞNG BAN

THÀNH VIÊN

Trần Thị Hồng Vân

Thủy
Nguyễn Xuân Thủy



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

Thời gian tổ chức: Từ 8h00' ngày 23 tháng 04 năm 2025

Địa điểm: Hội trường Tầng 3 Trụ sở Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

TT	Thời gian	Nội dung
1	7h30'÷8h00'	- Đón tiếp khách mời, đại biểu, cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách các cổ đông có mặt
2	8h00'÷8h20'	Khai mạc Đại hội - Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu đến dự - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu là cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của pháp luật - Hướng dẫn dùng thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết tại Đại hội
3	8h20'÷8h40'	Thông qua đoàn chủ tịch, thư ký đại hội - Bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu - Thông qua chương trình nghị sự - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội
4	8h40'÷8h55'	Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội
5	8h55'÷9h15'	Báo cáo của Tổng Giám đốc tại Đại hội
6	9h15'÷9h25'	Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
7	9h25'÷9h35'	Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội
8	9h35'÷10h00'	Thông qua các tờ trình năm 2025 - Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, thanh lý TSCĐ năm 2025; - Tờ trình mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025; - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có)
9	10h00'÷10h20'	- Phát biểu thảo luận (nếu có) - Thực hiện việc biểu quyết thông qua các báo cáo/tờ trình
10	10h20'÷10h40'	Văn nghệ
11	10h40'÷10h50'	Công bố kết quả biểu quyết về các báo cáo, tờ trình.
12	10h50'÷11h20'	- Đọc Biên bản và Nghị quyết của Đại hội - Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội - Tuyên bố bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ vào nghị quyết số 44/NQ/CKĐA/HĐQT ngày 14/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

I. Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi bao gồm:

- | | | |
|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 1. Ông Cao Trường Thụ | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tịch đoàn |
| 2. Ông Nguyễn Danh Quân | - Phó Chủ tịch HĐQT | - Thành viên đoàn chủ tịch |
| 3. Ông Lã Quý Duẩn | - Thành viên HĐQT | - Thành viên đoàn chủ tịch |

II. Ban thư ký Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi bao gồm:

- | | | |
|-------------------------|---------------------|-------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Hồng Vân | - Chánh VP HĐQT | - Trưởng Ban Thư ký |
| 2. Bà Nguyễn Xuân Thuý | - P.Tổ chức nhân sự | - Thành viên Ban Thư ký |

III. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Thế Hạnh | - PP. Tổ chức nhân sự | - Trưởng ban |
| 2. Ông Lại Duy Thức | - TP Kinh doanh thương mại | - Thành viên |
| 3. Bà Đỗ Thu Phương | - Phòng Kinh doanh Nhân | - Thành viên |
| 4. Ông Dương Ngọc Vân | - Ban Tài chính kế toán | - Thành viên |
| 5. Ông Đỗ Hồng Quân | - TP Quản lý chất lượng | - Thành viên |

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.

**CAO TRƯỜNG THỤ**

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI**Kính thưa: Quý vị Khách quý, Quý vị Cổ đông**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2024, định hướng 2025 như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Bảng 1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH2024/KH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	111%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>110%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	76,6	102,3	134%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%	
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ	Tỷ đồng	253	51	20%
5	Thanh lý TSCĐ	Tỷ đồng		3,2	
6	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,9	89%
7	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10	8	80%

* Riêng về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và tài sản cố định, nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường, HĐQT xin báo cáo về việc điều chỉnh một số hạng mục đầu tư thành Dự án cải tạo, sửa chữa và nâng cao năng lực sản xuất đúc với thời gian thực hiện từ tháng 9/2024 đến tháng 6/2025.

1.1. Những mặt đã làm tốt

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.
- Các định hướng đầu tư chiến lược được triển khai hiệu quả, đặc biệt là dự án cải tạo, nâng cấp Phân xưởng Đúc, dự kiến hoàn thành trong quý 3/2025.
- HĐQT đã thông qua đầu tư dự án Đúc áp lực, hướng tới mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng doanh thu.
- Công ty tích cực nghiên cứu, mở rộng thị trường và phát triển khách hàng mới.

1.2. Những mặt chưa làm tốt

- Tiến độ triển khai dự án Đức áp lực vẫn còn chậm do tập trung nguồn lực cho dự án cải tạo Phân xưởng Đức.
- Mục tiêu tìm kiếm địa điểm phù hợp để xây dựng cơ sở sản xuất số 2 vẫn chưa đạt được.
- Chính sách phát triển nguồn nhân lực và đãi ngộ cần tiếp tục cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

- Mức thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách:
 - + Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng
 - + Phó Chủ tịch HĐQT: 8.000.000 đồng/tháng
 - + Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương theo quy chế tiền lương của Công ty.
- Các chi phí hoạt động của HĐQT tuân thủ quy định nội bộ và nghị quyết của ĐHCĐ.

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị năm 2024 với Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành 54 Quyết định và Nghị quyết. Các Nghị quyết, Quyết định này đều được ban hành đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, và các quy chế quản trị nội bộ khác.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã tuân thủ và thực hiện việc báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo quy định.

4. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

4.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2025

Bảng 2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	1.326	110%	99%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>1.256</i>	<i>110%</i>	<i>100%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	Tỷ đồng	76,6	102,3	88	134%	86%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%			
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ và sửa chữa lớn (**)	Tỷ đồng	253	51	355		
	<i>- Đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn đã được phê duyệt từ năm 2024 trở về trước</i>				148		

06391-C.
CÔNG TY
PHẦN
ĐÔNG ANH
COGI
ANH - T.P HÀ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ KH2024	KH2025/ TH2024
	<i>đang và sẽ tiếp tục thực hiện năm 2025 (**)</i>						
	<i>- Đầu tư TSCĐ mới và sửa chữa lớn (***)</i>				207		
6	Thanh lý TSCĐ (****)	Tỷ đồng		3,2	31		
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,9	113	101%	113%
8	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10.0	8,0	9.0	90%	113%

4.2. Phương hướng nhiệm vụ chủ yếu

1. Tiếp tục trao quyền chủ động cho Ban Điều hành, đồng thời gắn trách nhiệm với hiệu quả công việc.
2. Đẩy mạnh triển khai dự án Đức áp lực, hoàn thành cải tạo Phân xưởng Đức theo đúng tiến độ.
3. Mở rộng thị trường, phát triển các dòng sản phẩm mới để gia tăng lợi thế cạnh tranh.
4. Tích cực tìm kiếm địa điểm phù hợp để xây dựng cơ sở sản xuất số 2, đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn.
5. Nâng cao chính sách phát triển nguồn nhân lực, cải thiện chế độ đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.
6. Đầu tư vào công nghệ tự động hóa và cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất lao động và giảm chi phí.
7. Xây dựng chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường và tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất.
8. Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng kênh phân phối và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về các hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng thực hiện năm 2025. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong năm qua. Xin chúc các Quý vị cổ đông và các vị khách quý mạnh khỏe và hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi gửi:

- Như trên
- HĐQT, BKS
- Lưu Thư ký Công ty.



CAO TRƯỜNG THỤ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 TẠI ĐHĐCĐ 2025

Tổng Giám Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 và thời gian tới tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 như sau.

Phần I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

Năm 2024 đánh dấu một năm thành công của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi, khi chúng ta đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông giao cho. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động, cầu yếu, Công ty vẫn giữ vững đà tăng trưởng, nâng cao hiệu quả hoạt động, là thành tích rất đáng ghi nhận.

1. Kết quả thực hiện 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH2024/KH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	111%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>110%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	76,6	102,3	134%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%	
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ	Tỷ đồng	253	51	20%
5	Thanh lý TSCĐ	Tỷ đồng		3,2	
6	Tổng số lao động	Người	660	559	85%
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,85	89%
8	Thu nhập bình quân (/người/tháng)	Tr đồng	14.15	14.89	105%
9	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10	8	80%

Ghi chú: Tỷ lệ cổ tức thực hiện năm 2024 sẽ được trình và lấy ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

2. Những kết quả nổi bật

- a) Doanh thu, sản lượng, lợi nhuận và năng suất lao động đều đạt và vượt kế hoạch, trong đó:
- Doanh thu đạt mức kỷ lục 1.341 tỷ đồng – đạt 111% kế hoạch năm, tăng 17% so với năm 2023, mức cao nhất từ trước đến nay.
 - Tổng số lao động giảm hơn 10% so với năm trước thông qua tái cơ cấu. Tổng quỹ lương chỉ bằng 89% kế hoạch nhưng tiền lương bình quân của người lao động tăng 12%, từ mức 13.25 triệu đồng/tháng lên 14.89 triệu đồng/tháng – phản ánh hiệu quả công việc cao hơn và sự chia sẻ lợi ích hài hòa giữa người lao động và công ty.

- Năng suất lao động tính theo doanh thu/dầu người tăng 36% so với năm trước – đây là một chỉ dấu rõ ràng cho việc tinh gọn bộ máy nhưng vẫn gia tăng hiệu quả.
 - b) Bước đầu thành công chuyển đổi cơ cấu sản xuất sản phẩm đúc và nhôm thanh, vì vậy, tạo được đột phá trong mảng xuất khẩu hàng đúc tới thị trường Châu Mỹ và ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm có dùng nhôm thanh hoàn thiện với IKEA.
 - c) Tổ chức thiết kế, chế tạo, vận chuyển và lắp dựng thành công 2 dự án kết cấu thép giàn không gian lớn là Nhà Máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 và Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, kiểm soát chi phí tốt, đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Công ty. Đồng thời, CĐT đánh giá cao về chất lượng tốt, tổ chức sắp xếp thi công chuyên nghiệp, vượt tiến độ yêu cầu.
 - d) Phát triển thành công mảng sản xuất kinh doanh mới là kết cấu thép đường ống. Mặc dù, CKDA mới tham gia nhưng đã vào top đầu, có ảnh hưởng nhất định đến mảng này trên thị trường, với điểm sáng là hệ thống “làm sạch và sơn” tự động, giúp tăng hiệu quả và năng suất sản xuất.
 - e) Công tác đầu tư của dự án “Cải tạo, sửa chữa nâng cao năng lực sản xuất phân xưởng Đúc”: đúng tiến độ, chất lượng thi công tốt, đảm bảo an toàn lao động và kiểm soát chi phí. Thông qua dự án, tạo được nền tảng rất tốt cho cán bộ nhân viên công ty trong công tác tư vấn thiết kế, chế tạo và giám sát thi công các dự án EPC.
 - f) Tư duy nhận thức từ Ban lãnh đạo đến người lao động thay đổi so với trước kia, đặc biệt, là ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm → tạo ra không khí làm việc đoàn kết phấn khởi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ⇒ Để có kết quả tốt trên là nhờ sự thay đổi về tư duy quản trị của Cổ đông lớn, HĐQT trong việc trao quyền chủ động cho Ban Điều hành Công ty, tháo gỡ điểm thắt để Ban Điều hành tự tin, tự chịu trách nhiệm hơn trong các quyết định sản xuất kinh doanh. Vì vậy, mọi người có động lực và đoàn kết hơn vì mục tiêu chung.

3. Những điểm còn tồn đọng

- a) Doanh thu Nhôm thanh định hình tụt giảm ~ 40% so với kế hoạch
- b) Chưa có giải pháp để thúc đẩy tăng doanh thu mảng Nhôm xây dựng

PHẦN II. KẾ HOẠCH 2025 VÀ NHỮNG NĂM TỚI.

Duy trì các mặt tốt và khắc phục các mặt chưa tốt của năm 2024

1. Đầu tư nguồn lực tham gia vào các tổ hợp tổng thầu của các dự án EPC lớn trong nước, để nâng tầm Công ty, hướng tới mục tiêu tạo ra đột phá trong doanh thu sản lượng năm 2025 và các năm tới.
2. Mở rộng tham gia thiết kế, chế tạo và thi công các dự án kết cấu thép cho hạ tầng giao thông mới của đất nước (hệ thống cầu đi bộ, cầu qua sông...)
3. Đưa dây chuyền sản xuất hợp kim đúc vào sản xuất trước kế hoạch, để đột phá về doanh thu xuất khẩu, cũng như kiểm soát chi phí, đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.

4. Tổ chức, thực hiện việc kiểm soát chi phí của các mảng chưa làm tốt của năm 2024 là mảng sản xuất nhôm thanh và đúc phụ tùng.
5. Mở ra mảng kinh doanh mới và thực hiện thành công, có hiệu quả đối với nhà phi thuyền – Wonder Boat.
6. Đẩy nhanh tiến độ và có biện pháp giải ngân hiệu quả các dự án đầu tư đã được phê duyệt.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	1.326	110%	99%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>1.256</i>	<i>110%</i>	<i>100%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	Tỷ đồng	76,6	102,3	88	114%	86%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%			
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ và sửa chữa lớn (**)	Tỷ đồng	253	51	355		
	- Đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn đã được phê duyệt từ năm 2024 trở về trước đang và sẽ tiếp tục thực hiện năm 2025 (**)				148		
	- Đầu tư TSCĐ mới và sửa chữa lớn (***)				207		
5	Thanh lý TSCĐ (****)	Tỷ đồng		3,2	31		
6	Tổng số lao động	Người	660	559	622	94%	111%
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,85	113	101%	113%
8	Thu nhập bình quân (/người/tháng)	Tr đồng	14.15	14.89	15.15	107%	102%
9	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10.0	8,0	9.0	90%	113%

PHẦN III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Với những kết quả đạt được trong năm qua là minh chứng cho định hướng đúng đắn, cách làm đúng đắn và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên công ty. Tuy nhiên, để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và từng bước chinh phục các mục tiêu dài hạn, Ban điều hành rất mong tiếp tục nhận được **sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ mạnh mẽ từ Quý Cổ đông, HĐQT** như thời gian qua, và tạo nguồn lực để Công ty tái đầu tư.

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty năm 2025, kính mong được sự đóng góp ý kiến của các Quý Cổ đông và Quý vị đại biểu.

Kính chúc Quý vị và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc và ngày càng thịnh vượng.

Xin trân trọng cảm ơn!


TỔNG GIÁM ĐỐC

LÃ QUÝ DUẢN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
ĐÔNG ANH LICOGI
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi;
- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi;
- Căn cứ Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau :

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

A. Về số lượng và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi gồm có:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng: Trưởng ban;
2. Ông Hoàng Như Thái: Thành viên;
3. Bà Lê Thị Thanh Nội : Thành viên;

B. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

3. Kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Thẩm định Báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên;

4. Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát như sau:

- Tham dự họp tất cả các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về nâng cao công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, xây dựng một số quy chế nội bộ và một số công tác khác của Công ty;

- Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;

- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024;

- Thực hiện chương trình giám sát chuyên đề về kiểm tra, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận thực hiện so với lập dự toán của các hợp đồng kinh tế lớn;

- Thực hiện một số nội dung khác theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng/ Ban nghiệp vụ/ Đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao.

Chi phí cho hoạt động của Ban Kiểm Soát thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào khác.

Các thành viên Ban kiểm soát đánh giá đều hoàn thành nhiệm vụ;

II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá công tác tài chính kế toán :

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định hiện hành về kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định quản lý tài chính doanh nghiệp hiện hành của Nhà nước.

- Hệ thống tài liệu, chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính được lập, ghi chép, phân loại và lưu trữ đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA. Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty “đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

2.1. Tóm tắt các chỉ tiêu thực hiện: (Chi tiết Bảng số 01)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Thực hiện so với kế hoạch		Tăng trưởng 2024/2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	+/-	%	+/-	%
	1	2	3	4	5=4-3	6=4/3	7=4-2	8=7/2
1	Doanh thu thuần	1.023	1.142	1.255	113	110%	232	22,68%
2	Lợi nhuận sau thuế	102	77	98	21	127,3%	(4)	-3,92%
3	Tổng quỹ lương	99	112	99	(13,0)	88%	-	0,00%

Năm 2024, do lợi nhuận được chia từ liên doanh liên kết giảm và thu nhập khác giảm nên tuy doanh thu thuần năm 2024 tăng 232 tỷ đồng tương ứng tăng 22,68% so với năm 2023 và đạt 110% so với kế hoạch, song lợi nhuận sau thuế năm 2024 lại giảm 4 tỷ đồng tương ứng giảm 3,92% so với năm 2023. Ngoài ra, trong năm 2024 theo quy định của chuẩn mực kế toán Công ty phải trích lập các khoản sau : (i) Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 3,463 tỷ đồng; (ii) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho số tiền 2,693 tỷ đồng; (iii) Trích lập chi phí dự phòng phạt hợp đồng do sản phẩm lỗi số tiền 415 triệu đồng; (iv) Chi phí của phí phạt tiền độ hợp đồng số tiền 3,69 tỷ đồng.

Mặc dù, lợi nhuận năm 2024 giảm so với năm 2023 song vẫn vượt 27,3% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.

2.2. Các chỉ tiêu doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận thực hiện so cùng kỳ năm trước

Bảng sau đây thể hiện kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2024, có so sánh với cùng kỳ năm 2023: (Chi tiết: Bảng số 02)

Bảng 02 (tiếp theo)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (Triệu đồng)	Năm 2024 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) 2024/2023
-----	----------	--------------------------	--------------------------	------------------------

Bảng 02 (tiếp theo)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (Triệu đồng)	Năm 2024 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) 2024/2023
11	Lợi nhuận sau thuế	101.953	97.858	95,98%
	Trong đó: Lợi nhuận được nhận từ công ty liên doanh liên kết	81.544	76.719	94,08%

Năm 2024 do tỷ lệ tăng của chi phí bán hàng, chi phí khác cao hơn tỷ lệ tăng thu nhập khác và doanh thu tài chính giảm dẫn đến lợi nhuận trước thuế của năm 2024 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023.

Sau đây là chi tiết kết quả kinh doanh tại Văn phòng Công ty và tại Nhà máy Nhôm Đông Anh (chi tiết bảng số 03)

Bảng 03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Văn phòng	Nhà máy nhôm	Bù trừ nội bộ	Toàn công ty
1	Doanh thu thuần	1.062.707	469.015	(276.648)	1.255.074
2	Giá vốn	993.812	412.663	(276.648)	1.129.827
3	Lợi nhuận gộp	68.895	56.352	-	125.247
4	Doanh thu từ hoạt động tài chính	85.516	8		85.524
5	Chi phí tài chính	9.504	4.580		14.084
6	Chi phí bán hàng	21.209	17.054		38.263
7	Chi phí quản lý	31.631	19.820		51.451
8	Lợi nhuận từ SXKD	92.067	14.906		106.973
9	Thu nhập khác	1.219	367		1.586
10	Chi phí khác	3.136	863		3.999
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	90.150	14.410		104.560
12	Thuế TNDN	6.702	-		6.702
13	Lợi nhuận sau thuế	83.448	14.410		97.858
	Trong đó: Lợi nhuận từ liên doanh	76.719	-		76.719

B. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty

1. Một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty

Bảng 04 (tiếp theo)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/giảm (giá trị)
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	

Bảng 04 (tiếp theo)

DVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/giảm (giá trị)
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
-	Hàng tồn kho	260.647	24%	152.231	13%	(108.416)
-	Tài sản ngắn hạn khác	4.148	0%	1.008	0,1%	(3.140)
2	Tài sản dài hạn	230.958	22%	228.229	19%	(2.729)
-	Tài sản cố định	54.061	5%	50.792	4%	(3.269)
-	Tài sản dở dang dài hạn	8.696	1%	4.049	0%	(4.647)
-	Đầu tư tài chính dài hạn	159.253	15%	159.253	13%	-
-	Chi phí trả trước dài hạn	8.948	1%	14.135	1%	5.187
A	Tổng tài sản	1.069.550	100%	1.214.313	100%	144.763
1	Nợ phải trả	563.361	53%	677.203	56%	113.842
-	Nợ ngắn hạn	561.609	53%	673.630	55%	112.021
-	Nợ dài hạn	1.752	0%	3.573	0%	1.821
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	506.189	47%	537.110	44%	30.921
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	310.000	29%	310.000	26%	-
-	Quỹ đầu tư phát triển	93.397	9%	123.983	10%	30.586
-	Quỹ khác thuộc VCSH	839	0%	839	0%	-
-	Lợi nhuận chưa phân phối	101.953	10%	102.288	8%	335
B	Tổng nguồn vốn	1.069.550	100%	1.214.313	100%	144.763

So với đầu năm, tổng giá trị tài sản cũng như tổng nguồn vốn của Công ty tăng gần 145 tỷ đồng tương ứng tăng 13,5%.

Về tài sản: So với tài sản dài hạn thì tài sản ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế hơn với tỷ trọng 81% trên tổng tài sản của Công ty, đạt 986 tỷ đồng trên tổng tài sản là 1.214 tỷ đồng.

- Tài sản ngắn hạn tăng 147 tỷ đồng (tương ứng tăng 17,6% so với đầu năm), trong đó chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền (tăng 324 tỷ đồng tương ứng tăng 444,8%), các khoản phải thu ngắn hạn giảm 85 tỷ đồng (tương ứng giảm 18,1% so với đầu năm), hàng tồn kho giảm 108 tỷ đồng (tương ứng giảm 41,6%)

- Tài sản dài hạn giảm 2,7 tỷ đồng (tương ứng giảm 1,2% so với đầu năm),

Về nguồn vốn: Nợ phải trả tăng 113,8 tỷ đồng tương ứng tăng 20,2% so đầu năm. Vốn chủ sở hữu đạt hơn 537 tỷ đồng (chiếm 44% tổng nguồn vốn) tăng gần 31 tỷ đồng tương ứng tăng 6,1% so đầu năm.

Về cân đối tài sản - nguồn vốn: Tính đến thời điểm 31/12/2024, với nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn lớn hơn tài sản dài hạn, Công ty đảm bảo đủ tài trợ cho tài sản dài hạn và không bị mất cân đối tài chính, đảm bảo cân đối giữa tài sản với nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 05

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>
I	Các chỉ số thanh toán			
1	Hệ số tài trợ vốn chủ sở hữu (VCSH/Tổng TS)	0,47	0,44	-0,03
2	Hệ số thanh toán tổng quát (Tổng TS/Nợ phải trả)	1,90	1,79	-0,11
3	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,49	1,46	-0,03
4	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,13	0,59	0,46
II	Các chỉ số lợi nhuận			
1	Tỷ suất sinh lời của TS (ROA) (LN trước thuế/Tổng TS bình quân)	10,83%	9,16%	-1,67%
2	Tỷ suất sinh lời của Vốn chủ sở hữu ROE (LN sau thuế/VCSH bình quân)	20,30%	18,76%	-1,55%
III	Các chỉ số hoạt động			
1	Vòng quay vốn lưu động (DT thuần/TSNH bình quân)	1,35	1,38	0,03
2	Số vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng TS bình quân)	1,03	1,10	0,07
3	Vòng quay các khoản phải thu (DT thuần/Các khoản phải thu bình quân)	2,59	2,94	0,35

Qua bảng phân tích trên cho thấy hệ số tài trợ vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2024 là 0,47 lần chứng tỏ Công ty tương đối tự chủ trong hoạt động tài chính.

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát năm 2024 đạt 1,9 lần tăng so năm 2023 (đạt 1,79 lần) chứng tỏ khả năng thanh toán các khoản nợ trong dài hạn của Công ty ngày càng được đảm bảo.

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn năm 2024 đạt 1,46 lần thấp hơn năm 2023 (đạt 1,49 lần), tuy nhiên chỉ tiêu này lớn hơn 1 khá nhiều chứng tỏ công ty đảm bảo được khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2024 là 0,59 lần tăng nhiều so năm 2023 (đạt 0,13 lần) cho thấy khả năng thanh toán nhanh trong năm vừa qua của Công ty đã được cải thiện.

Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) năm 2024 là 9,16% giảm so với năm 2023 (10,83%), chứng tỏ khả năng sinh lời từ tài sản năm 2024 của Công ty không tốt bằng năm 2023.

Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2024 giảm so với năm 2023 (năm 2023 đạt 20,3% trong khi năm 2024 đạt 18,76%).

Vòng quay vốn lưu động năm 2024 là 1,38 vòng, chứng tỏ việc sử dụng vốn lưu động của Công ty khá tốt.

Qua phân tích các chỉ tiêu tài chính như trên, Ban kiểm soát đánh giá Công ty có tình hình tài chính tốt, khả năng thanh toán đảm bảo, hiệu quả kinh doanh tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

C. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm 2024, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2025. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong năm 2024 về các mặt hoạt động của Công ty.

D. Một số kiến nghị của Ban kiểm soát :

Nhằm góp phần thực hiện đúng các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý công ty, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động, Ban kiểm soát xin có một số kiến nghị sau :

1. Đẩy mạnh các biện pháp nhằm hạ giá thành sản xuất, tiết kiệm chi phí quản lý, chi phí bán hàng nhằm tăng hiệu quả từ lĩnh vực SXKD chính;

2. Tiếp tục duy trì và phát huy uy tín của Công ty với các tổ chức tín dụng cũng như với các đối tác.

3. Tăng cường công tác quản lý công nợ, giảm nợ phải thu, giảm hàng tồn kho; tiếp tục có các giải pháp hiệu quả hơn nữa để tăng vòng quay vốn lưu động, cân đối nhu cầu sản xuất để có kế hoạch nhập vật tư đầu vào hợp lý, tránh để tồn kho dẫn đến việc phát sinh trích lập giảm giá (nếu có);

4. Đối với Nhà máy nhôm cần rà soát lại định mức các khoản mục chi phí để nâng cao việc quản lý chi phí và có biện pháp tiết giảm chi phí sản xuất đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được giao từ đầu năm đặc biệt đối với nhóm các công trình tỷ suất lợi nhuận thực hiện không đạt so với khi lập dự toán.

5. Tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm truyền thông, mở rộng mạng lưới kinh doanh đặc biệt là tiếp cận với các công trình có nguồn vốn tốt, rõ ràng để tăng sản lượng lĩnh vực thi công công trình nhôm, các sản phẩm khác. Đề nghị Ban điều hành công ty tập trung công tác Marketing sản phẩm với các khách hàng lớn tiềm năng như : Vincom, MIK Group, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ... để tăng sản lượng, doanh thu và đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Đối với công tác đầu tư : Công ty cần hết sức thận trọng, cân nhắc kỹ trước khi ra quyết định đầu tư đặc biệt trong việc phát triển ngành nghề kinh doanh cũng như sản phẩm mới, kể cả việc đầu tư khu đất xây dựng cơ sở sản xuất mới. Trong quá trình thực hiện triển khai rà soát lại các khoản đầu tư để phù hợp tạo hiệu quả trong tương lai và đảm bảo ổn định nguồn vốn để sản xuất kinh doanh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Ban kiểm soát sẽ duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đảm bảo các hoạt động của Công ty

luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, góp phần vào sự phát triển của Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông và quyền lợi người lao động.

- Thực hiện các chuyên đề về kiểm soát như : chương trình kiểm soát chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại nhà máy nhôm, văn phòng công ty, đánh giá việc thực hiện công tác đầu tư của công ty.

- Đảm bảo ít nhất một thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

- Thực hiện các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông;

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn Đại hội.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi gửi:

- Như trên
- HĐQT, TGD
- Lưu BKS.



NGUYỄN ANH DŨNG

1. C. P. 101

TỜ TRÌNH

(Phê duyệt Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, thanh lý TSCĐ năm 2025)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi;

- Căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế kiểm toán và phát hành ngày 12/03/2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 phê duyệt các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH2024/ KH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	111%
	<i>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.142</i>	<i>1.255</i>	<i>110%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	76,6	102,3	134%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%	
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ	Tỷ đồng	253	51	20%
5	Thanh lý TSCĐ	Tỷ đồng		3,2	
6	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,9	89%
7	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10	8	80%

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và thanh lý TSCĐ năm 2025.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.202	1.341	1.326	110%	99%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ KH2024	KH2025/ TH2024
	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	1.142	1.255	1.256	110%	100%
2	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	Tỷ đồng	76,6	102,3	88	114%	86%
3	Tỷ lệ cổ tức (*)	%		21%			
4	Đầu tư XDCB, TSCĐ và sửa chữa lớn (**)	Tỷ đồng	253	51	355		
	- Đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn đã được phê duyệt từ năm 2024 trở về trước đang và sẽ tiếp tục thực hiện năm 2025 (**)				148		
	- Đầu tư TSCĐ mới và sửa chữa lớn (***)				207		
6	Thanh lý TSCĐ (****)	Tỷ đồng		3,2	31		
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	112	99,9	113	101%	113%
8	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%	10.0	8,0	9.0	90%	113%

Ghi chú:

(*) Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ cổ tức năm 2025 căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và do Đại hội đồng cổ đông năm 2026 quyết định.

(**), (***), (****) Chi tiết theo Phụ lục I, II, III đính kèm.

ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT căn cứ vào thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty quyết định việc điều chỉnh hạng mục và giá trị từng hạng mục đầu tư, đảm bảo nguyên tắc kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả và không vượt tổng mức đầu tư được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT có trách nhiệm báo cáo việc điều chỉnh này (nếu có) cho ĐHĐCĐ ở kỳ họp kế tiếp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 


CAO TRƯỜNG THỌ

CKDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA LỚN TSCĐ NĂM 2025

(Đính kèm tờ trình số 30/TT/CKĐA/HĐQT ngày 23/04/2025)

STT	Diễn Giải	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
		Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
	TỔNG CỘNG (A + B)	140,000	112,714	252,714	15,675	35,373	51,048	46,285	308,670	354,955	
A	Kế hoạch đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn năm 2024 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt CHUYỂN TIẾP thực hiện 2025	140,000	112,714	252,714	15,675	35,373	51,048	26,952	121,007	147,959	Chi tiết: Phụ lục I
I	Khối SXKC Thép	-	80,773	80,773	7,879	3,057	10,936	-	19,780	19,780	
II	Khối SX Đúc	-	5,491	5,491	1,177	2,848	4,025	7,330	4,218	11,548	
III	Khối hỗ trợ	-	8,800	8,800	16	4,293	4,309	-	3,000	3,000	
IV	Khối SX Nhôm	-	17,650	17,650	1,537	4,943	6,479	-	11,419	11,419	
V	Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất số 2	140,000	-	140,000	5,067	20,232	25,299	19,622	82,589	102,212	
B	Kế hoạch MỚI đầu tư TSCĐ và sửa chữa lớn năm 2025							19,333	187,663	206,996	Chi tiết: Phụ lục II
B1	Kế hoạch đầu tư TSCĐ							484	182,059	182,543	
I	Khối SXKC thép							-	77,093	77,093	
II	Khối SX Đúc							440	19,753	20,193	
III	Khối hỗ trợ							-	47,636	47,636	
IV	Khối kinh doanh							-	275	275	
V	Khối sản xuất nhôm							-	20,752	20,752	



STT	Diễn Giải	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
		Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
VI	Dự phòng các hạng mục phát sinh							44	16,551	16,595	
B2	Kế hoạch sửa chữa lớn							18,849	5,605	24,453	
B2.1	Sửa chữa Máy móc thiết bị							-	5,095	5,095	
I	Khối SX đúc							-	2,330	2,330	
II	Khối SX Kết cấu thép							-	650	650	
III	Khối SX Nhôm							-	2,115	2,115	
B2.2	Xây dựng cơ bản							17,135	-	17,135	
I	Khối SX đúc							5,500	-	5,500	
II	Khối hỗ trợ							11,285	-	11,285	
III	Khối SX Nhôm							350	-	350	
B2.3	Dự phòng các hạng mục phát sinh							1,714	510	2,223	

Ghi chú: Ngoài các hạng mục đã có phê duyệt và/hoặc có cơ cấu nguồn vốn huy động rõ ràng, các hạng mục còn lại, Công ty đang dự kiến cơ cấu nguồn vốn huy động như sau: Vốn tự có/Vốn vay là 3/7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CAO TRƯỜNG THỤ

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA LỚN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TỪ NĂM 2024 TRỞ VỀ TRƯỚC ĐANG VÀ SẼ THỰC HIỆN TIẾP TRONG NĂM 2025

(Đính kèm tờ trình số 30/TT/CKĐA/HĐQT ngày 23/04/2025)

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
	Kế hoạch đầu tư TSCĐ và Sửa chữa lớn năm 2024 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt					140,000	112,714	252,714	15,675	35,373	51,048	26,952	121,007	147,959	
I	Khôi SXKC Thép					-	80,773	80,773	7,879	3,057	10,936	-	19,780	19,780	
1	Đầu tư cải tạo mặt bằng Layout PX.GCCK (CNC)	1					3,800	3,800	1,298		1,298				
2	Cải tạo mặt bằng Layout PX. Kết cấu thép						4,343	4,343	4,462		4,462				
3	Máy phay CNC3 trục X;Y;Z = 1000/600/500; S = 12.000 rpm	1	1,200	PX.GC CK	Quý 4		1 200	1,200			-	-	1,200	1,200	Vốn tự có và vốn vay
4	Máy tiện CNC, Mâm cặp 6"; S= 5000 rpm	2	3,750	PX.GC CK	Quý 3		7 500	7,500			-	-	7,500	7,500	Vốn tự có và vốn vay
5	Máy phay CNC3 trục X;Y;Z = 500/400/4000; S = 20.000 rpm	2	4,500	PX.GC CK	Quý 4		9 000	9,000			-	-	9,000	9,000	Vốn tự có và vốn vay
6	Máy cắt dây Molip đen 550*650*500	1	300	PX.GC CK	Quý 3		300	300			-	-	300	300	Vốn tự có 100%
7	Máy gia công điện cực than chì	1	300	PX.GC CK	Quý 4		300	300			-	-	300	300	Vốn tự có 100%
8	Máy tiện vạn năng Băng máy dài 3m; đường kính tiện (450 - 600)mm	2	250	PX.GC CK	Quý 4		0.5	0.5			-	-	500	500	Vốn tự có 100%

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
9	Máy cắt ống tự động D141-D250	1	350				350	350			-				
10	Dây chuyền hàn thanh giàn tự động	2	700				1 400	1,400		375	375				
11	Máy hàn 500A	5	50	PX.KC T	Quý 2		250	250			-	-	250	250	Vốn tự có 100%
12	Máy phun bi	1	650	PX.KC T	Quý 2		650	650			-	-	650	650	Vốn tự có 100%
13	Máy phun sơn cao áp	2	40	PX.KC T	Quý 2		80	80			-	-	80	80	Vốn tự có 100%
14	Máy cắt Laser, kích thước bàn máy 2000x6000mm	1	1,600				1 600	1,600							
15	Dự trù ngân sách đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đường ống thép	1	50,000		Quý 3		50 000	50,000			-	-			
16	Cầu trục dầm đơn (03 cái)	1	650		Quý 1			-		650	650	-			
17	Hệ thống máy nén khí	1	900		Quý 2			-		606	606	-			
18	Cải tạo nền xưởng và móng máy PX chế tạo ống thép	1	913						887		887				
19	Chế tạo, lắp đặt kết cấu thép nhà bán mái mới	1	900						893		893				
20	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng và điện động lực cho các máy	1	702							475	475				
21	Chế tạo các thiết bị vận chuyển ống thép nội bộ	1	380							174	174				
22	Hệ thống camera của PX chế tạo ống thép	1	88							87	87				
23	02 Palăng cáp điện 3 tấn (Sungdo - Model SM3-H6-MH) PXKC	1	167							149	149				
24	Máy hút bụi phun cát	1	350							350	350				
25	Máy hút bụi phun bi	1	150					-		120	120	-			

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
26	Bảo dưỡng máy nén khí Xưởng CNC và Kết cấu thép các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	4	30							48	48				
27	Mua phụ tùng, bảo dưỡng các máy sơn	2	30					-		22	22	-			
28	Đổ bê tông đường giữa 2 xưởng cũ và xưởng mới PX KCT	1200	0					-	339		339				
II	Khối SX Đúc					-	5,491	5,491	1,177	2,848	4,025	7,330	4,218	11,548	
1	Cải tạo, sửa chữa xưởng đập xóc	1	2,250		Quý 4			-	270		270	1,980		1,980	Vốn tự có 100%
2	Máy đập xóc công suất 5 tấn/giờ (3.000 tấn/tháng)	1	4,400		Quý 4			-		182	182	-	4,218	4,218	Vốn tự có 100%
3	Lò TT 2 tấn + BA + Cấp: Số nồi lò:2, Dung tích:2000kg/nồi, điện áp:660V/500Hz, nâng hạ xilanh thủy lực, Nhiệt độ ra lò:1650°C, BA:2000KVA-22/0,66KV	1					3,700	3,700							
4	Cải tạo mặt bằng Layout PX. Nhiệt luyện	1					388	388	129		129				
5	Cải tạo mặt bằng Layout PX. Đúc 2 (Bi đạn)	1					474	474	126		126				
6	Cải tạo mặt bằng Layout PX. Đúc 1 (Phụ tùng)	1					579	579	406		406				
7	Hệ thống hút bụi cho dây chuyền Disa	1					150	150	105		105				
8	Pa năng điện 02 tấn chiều cao nâng 20 mét	1					50	50							
9	Pa năng điện 02 tấn chiều cao nâng 6 mét	1					100	100							

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
10	Chiller làm mát đầu máy làm khuôn	1					50	50		39	39				
11	Cài tạo sửa chữa bãi tập kết phế liệu	1	2,900		Quý 4			-		-	-	2,900	-	2,900	Vốn tự có và vốn vay
12	Dải áp phan các trục đường chính	1	1,450		Quý 4			-		-	-	1,450	-	1,450	Vốn tự có và vốn vay
13	Rãnh thoát nước, cảnh quan toàn công ty	1	1,000		Quý 4			-		-	-	1,000	-	1,000	Vốn tự có và vốn vay
14	Hệ thống điều khiển tự động các lò NL	1	500							430	430				
15	Máy nén khí cho PX Đức 1 (11Kw)	1	100							59	59				
16	Palang cáp điện 3 tấn PX NL	1								68	68				
17	Palang cáp điện 3.2 tấn lắp cho lò nung phôi PX NL	1	34							34	34				
18	Kiểm định an toàn nhà xưởng Đức 1	1	21		Quý 2				21		21				
19	Kiểm định an toàn nhà xưởng Đức 2	1	21		Quý 2				21		21				
20	Kiểm định an toàn nhà kho phụ tùng	1	37		Quý 2			-	37		37				
21	Sửa chữa nâng cấp dây chuyền Disa	1	2,500							1,990	1,990				
22	Băng tải máy phun bi Q3210	1	55					-		43	43				
23	Bảo dưỡng, thay thế máy nén khí Xưởng Đức 1,2 các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	4	30					-		4	4				
24	Sửa chữa, cài tạo khu vực nhà xưởng và kho mộc mẫu	1	150					-	51		51				

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Công	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Công	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Công	
25	Cải tạo lại văn phòng nhiệt luyện	28	1					-	12		12				
III	Khởi hỗ trợ					-	8,800	8,800	16	4,293	4,309	-	3,000	3,000	
1	Máy phân tích quang phổ Hitachi high tech OE750 (nền Fe và Al)	1	3,000	Phòng QLCL	Quý 3		3 000	3,000			-	-	3,000	3,000	Vốn tự có và vốn vay
2	Trạm biến áp 2x 1000KVA-22/0,4KV Gồm 02 máy biến áp và các thiết bị đóng cắt bảo vệ phía cao áp. Bao gồm: giao cách ly, chì tự rơi, sứ chống sét.	1	2,000				2 000	2,000		344	344				
3	Mua ô tô phục vụ SX	1	3,800				3 800	3,800		3,723	3,723				
4	Bơm chìm giếng khoan Pentax (PX.CĐ)	1	56							56	56				
5	Điều hòa 2 chiều Daikin (phòng TGD)	1	60					-		60	60				
6	Bổ sung các trang bị PCCC cho nhà máy nhôm (Nhà văn phòng 3 tầng). Theo tiêu chuẩn để cấp chứng nhận vào chuỗi cung ứng của khách hàng IKEA	1	122					-		109	109				
7	Bán mái khu vực rửa ngoài trời, Sơn sửa lại 03 phòng ăn của nhà ăn ca công ty	1	65					-	16		16				
IV	Khởi SX Nhôm					-	17,650	17,650	1,537	4,943	6,479	-	11,419	11,419	
1	Máy cắt nóng Billet 4"	1	500					-		492	492				
2	Kiểm định an toàn nhà xưởng Anot sơn phim + ép	1	105						105		105				

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
3	Kiểm định an toàn nhà xưởng gia công nhôm	1	47						47		47				
4	Máy cắt CNC hàng công nghiệp ngắn	1	360							331	331				
5	Bọc composite khe bể 12-13 và khe bể 15-16	2	150							15	15				
6	Thay điện cực bể anode	2	200							310	310				
7	Làm mái khu xử lý nước thải PX. Anode Sơn Film	1	150						18		18				
8	Chống dột nhà xưởng GCN	1	150						123		123				
9	Đầu tư cải tạo mặt bằng Layout PX.GCN	1	2,000				2,000	2,000	1,243		1,243				
10	Máy phun cát bề mặt sản phẩm, bao gồm máy nén khí trực vít 75kw + bình tích áp 3m3	1	2,300	PX.Đùn ép	Quý 1-2		2 300	2,300			-	-	2,300	2,300	Vốn tự có và vốn vay
11	Máy ép ráp khuôn đùn ép	1	100	PX.Đùn ép	Quý 1-2		100	100			-	-	100	100	Vốn tự có 100%
12	Hệ thống cửa cắt sản phẩm, hút phoi cửa sản phẩm	3	500	PX.Đùn ép	Quý 3-4		1 500	1,500			-	-	1,500	1,500	Vốn tự có và vốn vay
13	Máy đóng gói nhôm thanh màng co	1	1,900	PX.Đùn ép			1 900	1,900		1,464	1,464				
14	Máy đo nhiệt độ lò sấy sản phẩm sơn	1	250	PX.AN-SF	Quý 1		250	250			-	-	250	250	Vốn tự có 100%
15	Máy khoan nhiều đầu	1	250	PX.GC N	Quý 2		250	250			-	-	250	250	Vốn tự có 100%
16	Máy cắt 2 đầu	1	1,700	PX.GC N	Quý 3		1 700	1,700			-	-	1,700	1,700	Vốn tự có và vốn vay
17	Đầu tư nâng cấp công nghệ Anode bề mặt sản phẩm nhôm	3	600	PX.AN-SF			1,800	1,800		777	777		1,023	1,023	Vốn tự có 100%

11/2024 25/03/2025 15:11

STT	Diễn Giải	Số Lượng	Đơn giá	Đơn Vị Sử Dụng	Khởi công, hoàn thành	Kế hoạch năm 2024			Thực hiện năm 2024			Dự kiến thực hiện tiếp trong năm 2025			Ghi chú
						Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	Xây lắp	Thiết Bị	Tổng Cộng	
	Dây chuyền Disa mới C3-250: Máy C3-250 ,tốc độ 250 khuôn /h. Bao gồm nhà xưởng mới, lò tiết kiệm điện, các hệ thống băng tải, kết cấu thép kèm theo, thiết bị thí nghiệm, máy xóc, máy phun bi (Dự án đầu tư cải tạo ...)				Quý 4				5,067	20,232	25,299	14,622	82,589	97,212	Vốn tự có và vốn vay
	Dây chuyền đúc Áp lực nhôm, ma nhê, kèm + TB phụ trợ hoàn chỉnh														
	Dây chuyền đùn nhôm, Xử lý nhiệt và xử lý bề mặt nhôm (sơn, anode, phun bi, đánh bóng...)														
	Dây chuyền gia công công nghệ cao														
	- Chuẩn bị đầu tư (Nghiên cứu, khảo sát, lập và trình phê duyệt BC NCKT)				Quý 3/2025			-				5,000	-	5,000	

Ghi chú: Ngoài các hạng mục đã có phê duyệt và/hoặc có cơ cấu nguồn vốn huy động rõ ràng, các hạng mục còn lại, Công ty đang dự kiến cơ cấu nguồn vốn huy động như sau: Vốn tự có/Vốn vay là 3/7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT



**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

[Handwritten signature]

CAO TRƯỜNG THỤ

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH MỚI ĐẦU TƯ TSCĐ VÀ SỬA CHỮA LỚN NĂM 2025
 (Đính kèm tờ trình số 30/TT/CKDA/HĐQT ngày 23/04/2025)

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
A	B	C	2	2	3	4	5	$6=(3)+(4)+(5)$	7	8	9
	TỔNG CỘNG (A+B)				19,333	187,663	-	206,996	-	-	
A	KẾ HOẠCH MỚI ĐẦU TƯ TSCĐ				484	182,059	-	182,543	-	-	
AI	PHẦN VP CÔNG TY				440	144,757	-	145,197			
I	Khởi SXKC thép				-	77,093	-	77,093			
1	Máy lọc tôn thủy lực 4 trục	1		Quý 2-3		4,400		4,400	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có và vốn vay
2	Giá đỡ con lăn (2 cái/bộ)	3		Quý 2-3		264		264	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có 100%
3	Cầu trục 3 tấn	1		Quý 2-3		330		330	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có 100%
4	Công trục 35 tấn	1		Quý 2		1,100		1,100	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có và vốn vay
5	Cầu trục 5 tấn	2		Quý 3		770		770	Mua mới	PX.KCT	Vốn tự có và vốn vay
6	Hệ thống máy cưa vòng	1		Quý 2-3		550		550	Mới 100%	PX.KCT	Vốn tự có 100%
7	Cầu trục 3 tấn cho xưởng SX ống	1		Quý 3-4		385		385	Mới 100%	PX.KCT	Vốn tự có 100%
8	Dự án Đúc áp lực	1		Quý 2		69,294		69,294	Mua mới	PX.GCCK	Vốn tự có và vốn vay
II	Khởi SX Đúc				440	19,753	-	20,193			

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
1	Lò buồng rút đáy (lò điện hoặc lò gas).	1		Quý 4		1,430		1,430	Mới 100%	PX. NL	Vốn tự có và vốn vay
2	Hệ thống hút bụi và xử lý khói dầu dây chuyền tôi ram liên tục 50T/giờ	1		Quý 2		1,870		1,870	Mới 100%	PX. NL	Vốn tự có và vốn vay
3	Máy phun bi (để phun bi cho đúc phụ tùng dc mới)	1		Quý 3		2,200		2,200	Mới 100%	PX. NL	Vốn tự có và vốn vay
4	Cải tạo hệ thống 2 lò trung tần xường Đúc phụ tùng	2		Quý 3		550		550	Mới 100%	PX.Đúc 1	Vốn tự có 100%
5	Xe nâng chạy dầu 2.5 tấn	1		Quý 3		660		660	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
6	Cầu quay 1 tấn bán kính 4.5m cao 3.2m phục vụ lò 5 tấn đúc bi	1		Quý 2		275		275	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
7	Cầu trục 5 tấn 2 dầm đúc phụ tùng (phần xe con)	1		Quý 3		220		220	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
8	Cầu trục 5 tấn khu vực lò trung tần 5 tấn	1		Quý 2		440		440	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
9	Thiết bị phân tích hỗn hợp cát tươi phục vụ cho dây chuyền DISA mới	1		Quý 2-3		990		990	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
10	Thiết bị đo CE gang cầu	1		Quý 2-3		330		330	Mua mới	PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
11	Hệ thống PCCC	1		Quý 3		1,100		1,100	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
12	Băng tải chuyển liệu lên sàn lò trung tần 5 tấn	2		Quý 3		800		800	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
13	Xe cấp liệu vào lò trung tần 5 tấn	2		Quý 3		800		800	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
14	Xe goòng vận chuyển	5		Quý 2		880		880	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
15	Quạt hút khói nhà Đúc	3		Quý 1		572		572	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
16	Hệ thống hút bụi máy đập xóc	1		Quý 3		1,650		1,650	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
17	Hệ thống sấy nổi rót tự động	1		Quý 1		275		275	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
18	Văn phòng, phòng phân tích PX Đúc	1		Quý 2	440			440	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
19	Thiết bị cầu hóa	1		Quý 3		1,430		1,430	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
20	Thiết bị mài, chọn, cân bi	1		Quý 2		300		300	Mua mới	PX.Đúc	Vốn tự có 100%
21	Hệ thống cấp tín hiệu kết nối lò DCNL mới với hệ thống theo dõi và điều khiển tự động	1		Quý 2		165		165	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
22	Bề tôi dây chuyền tôi liên tục 50T	1		Quý 2		132		132	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
23	Hệ thống điện cho PX NL	1		Quý 1		1,650		1,650	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
24	Hệ thống làm mát dầu PX NL	1		Quý 2		770		770	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
25	Pa lăng vận chuyển bi dây chuyền nhiệt luyện	3		Quý 3		264		264	Mua mới	PX. NL	Vốn tự có 100%
III	Khối hỗ trợ				-	47,636	-	47,636			
1	Mua xe ô tô mới carlivan	1		Quý 2		1,650		1,650	Mua mới	Phòng HC	Vốn tự có 100%

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
2	Hệ thống camera	1		Quý 3		1,100		1,100		Phòng HC	Vốn tự có 100%
3	Xe cầu tự hành 15 tấn	1		Quý 1		4,400		4,400		PX.Cơ Điện	Vốn tự có và vốn vay
4	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 3MW và hệ thống lưu điện	1		Quý 4		38,500		38,500	Mới 100%	PX.Cơ Điện	Vốn tự có 100%
5	Máy thử độ dai và va đập thép	1		Quý 2		220		220	Mới 100% Xuất xứ Trung Quốc	Phòng QLCL	Vốn tự có 100%
6	Máy soi tổ chức tế vi (soi cầu hóa phục vụ hàng xuất khẩu)	1		Quý 2		550		550	Mới 100% Xuất xứ Nhật	Phòng QLCL	Vốn tự có 100%
7	Máy đo chiều dày lớp phủ (nền Fe + AL) phục vụ đo kiểm hàng xuất khẩu	1		Quý 3		116		116	Mới 100%; Xuất xứ Đức hoặc Nhật	Phòng QLCL	Vốn tự có 100%
8	Hệ thống kiểm soát ra, vào thông minh	1		Quý 2		1,100		1,100	Mới 100%	Phòng TCNS	Vốn tự có 100%
IV	Khối kinh doanh				-	275	-	275			
1	Phần mềm quản lý hợp đồng	1		Quý 2		275		275	Mua mới	Phòng KDI	Vốn tự có 100%
A2	PHẦN NM NHÔM				-	20,752	-	20,752			
1	Dây chuyền gia công khung tủ quần áo. Sản phẩm mới của khách hàng IKEA	1		Quý 1		6,600		6,600	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có và vốn vay
2	Dây chuyền gia công khung cánh tủ bếp BJÖRKSTA. Sản phẩm mới của khách hàng IKEA	1		Quý 2		4,400		4,400	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có và vốn vay
3	Máy phay góc khung tranh	1		Quý 2		198		198	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có 100%
4	Xe nâng điện kéo tay (phục vụ chuyển hàng trong kho bốc và đóng container)	1		Quý 2		121		121	Mua mới 100%	PX.Gia công nhôm	Vốn tự có 100%

30
 30
 30
 KH
 LI
 GA

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
5	Bộ súng phun sơn tĩnh điện tự động (Bộ điều khiển + Súng + Phụ kiện)	12		Quý 2		1,452		1,452	Mua mới 100%	PX.AN-SF	Vốn tự có và vốn vay
6	Máy màng co nhiệt	1		Quý 2		281		281	Mua mới 100%	PX.Đùn Ép	Vốn tự có 100%
7	Vỏ con lăn, đai ni dãn băng tải 3 máy đùn ép (vỏ con lăn chịu nhiệt dọc puller 3 máy ép, đai tải chịu nhiệt số 1, đai tải chịu nhiệt số 2, đai tải chịu nhiệt số 3, đai tải chịu nhiệt số 4, vỏ con lăn chịu nhiệt dọc máy cưa sản phẩm, đai tải ni không chịu nhiệt máy cưa sản phẩm)	215		Quý 2		880		880	Mua mới 100%	PX.Đùn Ép	Vốn tự có 100%
8	Mở rộng năng lực anode, mẫu mới, sản phẩm mới	1		Quý 3		2,200		2,200	Mới 100%		Vốn tự có và vốn vay
9	Các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, gia công, lắp ráp Nhà phi thuyền "Wonder Boat"	1		Quý 2-3		2,200		2,200	Mới 100%		Vốn tự có và vốn vay
10	Hệ thống cưa sắt sản phẩm, hút phoi cưa sản phẩm	3		Quý 3		1,650		1,650	Mua mới	PX.Đùn Ép	Vốn tự có và vốn vay
11	Phần mềm thiết kế - bóc tách nhôm kính	1		Quý 2		550		550	Mua mới	Phòng CKĐA Windows	Vốn tự có 100%
12	Máy phay CNC 1 đầu dao	1				220		220	Mua mới		Vốn tự có 100%
	CỘNG (A1+A2)				440	165,508	-	165,948			
A3	Dự trừ kinh phí dự phòng phát sinh (10%)				44	16,551		16,595			Vốn tự có và vốn vay
B	KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN TSCĐ				18,849	5,605	-	24,453			

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
B1	SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ				-	5,095	-	5,095			
I	Khối SX đúc				-	2,330	-	2,330			
1	Dây điện trở lò NL05 (lò H90)	1		Quý 3		200		200		PX.NL	Vốn tự có 100%
2	Bảo dưỡng, thay thế máy nén khí Xưởng Đúc 1,2 các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	4		Quý 2		200		200		PX.Đúc 1.2	Vốn tự có 100%
3	Chuyển đổi tháp làm mát lò từ dạng hở sang dạng kín của 2 lò đúc 1	2		Quý 1+2		1,000		1,000		PX.NL	Vốn tự có 100%
4	Sửa chữa lò trung tần nấu thép	2		Quý 2,3		340		340		PX.Đúc	Vốn tự có 100%
5	Xây sửa, thay dây điện trở lò H90; NL15	1		Quý 3		200		200		PX.NL	Vốn tự có 100%
6	Giàn tụ lò trung tần thay thế cho lò 1,2,3,4	1		Quý 2,3		200		200		PX.Đúc	Vốn tự có 100%
7	Biến áp 3P/80KVA thay cho lò H90	2		Quý 3		190		190		PX.NL	Vốn tự có 100%
II	Khối SX Kết cấu thép				-	650	-	650			
1	Mua phụ tùng, linh kiện thay thế, thuê ngoài sửa chữa cho các máy CNC	1		Quý 2		500		500		PX.KCT, PX.GCCK	Vốn tự có 100%
2	Bảo dưỡng máy nén khí Xưởng CNC và Kết cấu thép các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc...	3		Quý 2		150		150		PX.KCT, PX.GCCK	Vốn tự có 100%
III	Khối SX Nhôm				-	2,115	-	2,115	-	-	
1	Bảo dưỡng máy nén khí PX. Ép, Sonfilm, GCN các bộ phận thay thế định kỳ: Dầu, lọc, vòng bi...	5		Quý 2		250		250			Vốn tự có 100%

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
2	Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng máy lạnh từ làm mát gián tiếp sang trực tiếp	2		Quý 2		700		700		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
3	Bọc rãnh nước thải (m)	150	PX.AN-SF	Quý 1		300		300		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
4	Thay thế hạt nhựa hệ thống tháp DI sơn film (1 than, 1 anion, 1 cation)	1	PX.AN-SF	Quý 1		150		150		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
5	Sửa chữa bảo dưỡng 03 máy lạnh	3	PX.AN-SF	Quý 2		255		255		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
6	Sửa chữa bảo dưỡng máy ép bùn	2	PX.AN-SF	Quý 2		160		160		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
7	Cải tạo, mở rộng lò sấy TXL sơn film	1		Quý 1		100		100		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
8	Sửa chữa trần khu chính lưu và ED	200		Quý 2		200		200		PX.AN-SF	Vốn tự có 100%
B2	XÂY DỰNG CƠ BẢN				17,135	-	-	17,135			
I	Khối SX đúc				5,500	-	-	5,500	-	-	
1	Tháo dỡ, xây lại hệ thống nhà xưởng Nhiệt Luyện cũ 1200m².	1		Quý 3÷4	5,000			5,000		PX.NL	Vốn tự có 100%
2	Thi công, lắp đặt mái inox nhà xưởng Nhiệt Luyện cũ	1		Quý 1	150			150		PX.NL	Vốn tự có 100%
3	Thi công, lắp đặt mái inox nhà xưởng Đúc 2 cũ	1		Quý 1	150			150		PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
4	Trát lại các phần tường bị bong tróc và sơn lại tường nhà xưởng Disa cũ	1		Quý 4	200			200		PX.Đúc 2	Vốn tự có 100%
II	Khối hỗ trợ				11,285	-	-	11,285			

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
1	Làm đường hành lang dọc tường rào phía đông công ty	800		Quý 2	520			520			Vốn tự có 100%
2	Cải tạo đường thoát nước xung quanh PX.Đúc, PX.NL, PX.GCCK, PX.CĐ	900		Quý 2	1,215			1,215			Vốn tự có 100%
3	Hệ thống rãnh thoát nước khu vực bãi liệu mới, PX.Đúc, PX Đập xóc, PX.NL mới	600		Quý 1	930			930			Vốn tự có 100%
4	Đổ bê tông nền xung quanh bể và chống thấm các bể nước làm mát PX đúc	1		Quý 1	900			900			Vốn tự có 100%
5	Làm lại công + biển led công số 1	1		Quý 1	250			250			Vốn tự có 100%
6	Chữ CKĐA và tên Công ty trên nóc nhà xưởng NMN	1		Quý 1	280			280			Vốn tự có 100%
7	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh khu vực đúc mới	1		Quý 1	250			250			Vốn tự có 100%
8	Bảo trì, vệ sinh định kỳ mái các nhà xưởng	1		Quý 1	300			300			Vốn tự có 100%
9	Cải tạo, sửa sang hệ thống điện tự động chiếu sáng, các nhà vệ sinh chung của các tòa nhà	1		Quý 3	300			300			Vốn tự có 100%
10	Tường rào từ cổng số 2 đến đầu đường Quốc lộ 3 tường 220	550		Quý 3	660			660			Vốn tự có 100%
11	Đổ bê tông các trục đường chính	1		Quý 1-2	1,100			1,100			Vốn tự có 100%
12	Sửa nhà vệ sinh khu 2 tầng KCS+RD	1		Quý 2	130			130			Vốn tự có 100%
13	Sửa đường, rãnh thoát nước, trạm bơm, Cảnh quan toàn công ty.	1		Quý 1-4	1,000			1,000			Vốn tự có 100%
14	Dãi áp phan các trục đường chính	3643			1,450			1,450			Vốn tự có 100%

1/ K. C. T. * K. A.

STT	TÊN VÀ ĐẶC TÍNH TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NƯỚC SẢN XUẤT	TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NĂM 2025				PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	GHI CHÚ
					XÂY LẬP	THIẾT BỊ	KHÁC	TỔNG CỘNG			
15	Sửa chữa mái, chống dột, hạ tầng XDCB, các VP làm việc;...	1		Quý 4	2,000			2,000		Các PX, VPLV	Vốn tự có 100%
III	Khối SX Nhôm				350	-	-	350	-	-	
1	Thay mới toàn bộ cửa nhà 3 tầng văn phòng Nhôm	140			350			350		Văn phòng nhôm	Vốn tự có 100%
	CỘNG (B1+B2)				17,135	5,095	-	22,230	-	-	
B3	DỰ TRÙ KINH PHÍ DỰ PHÒNG PHÁT SINH (10%)				1,714	510		2,223			Vốn tự có và vốn vay

Ghi chú: Ngoài các hạng mục đã có phê duyệt và/hoặc có cơ cấu nguồn vốn huy động rõ ràng, các hạng mục còn lại, Công ty đang dự kiến cơ cấu nguồn vốn huy động như sau: Vốn tự có/Vốn vay là 3/7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CAO TRƯỜNG THỤ

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH THANH LÝ TSCĐ TRONG NĂM 2025

(Đính kèm tờ trình số 30/TT/CKĐA/HĐQT ngày 23/04/2025)

STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng cộng (I+II)						31,129,073,022	31,129,073,022	0	556,500,000			
I	PHẦN VĂN PHÒNG CÔNG TY						26,939,151,145	26,939,151,145	-	459,500,000			
1	Xe nâng hàng NISSAN 4,5 tấn	1	PX.Cơ điện	1999	2003	Nhật Bản	253,465,200	253,465,200	0	20,000,000	Xe cũ kém, hiện tại đang hỏng nặng không còn sử dụng được.	Bán thanh lý	
2	Phòng sơn sấy đồng bộ	1	PX.KCT	2015	2016	Trung Quốc	168,000,000	168,000,000	0		Máy hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
3	Máy hàn CO2 MAG KRII-500 - PX.KC	1	PX.KCT	2019	2019	Nhật Bản	44,800,000	44,800,000	0		Máy hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
4	Hệ thống hút bụi máy xóc bi - ĐII	1	PX.Đúc 2	2006	2007	Việt Nam	305,191,479	305,191,479	0		Máy hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
5	Máy cắt dây CNC - FW1PEDM	1	PX.CNC	2009	2009	Trung Quốc	430,400,000	430,400,000	0	10,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng, hiện tại đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
6	Máy Phay Kim loại CNC - 10M	1	PX.CNC	2009	2009	Nhật Bản	190,600,000	190,600,000	0	30,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng, hiện tại đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
7	Máy xung điện SA20	1	PX.CNC	2009	2009	Trung Quốc	1,065,000,000	1,065,000,000	0	20,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng	Bán thanh lý	
8	Máy xung điện điều khiển số CNC	1	PX.CNC	2011	2011	Trung Quốc	1,215,696,000	1,215,696,000	0	20,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng không sử dụng	Bán thanh lý	
9	Máy cắt gọt WASINO -250mm - T40	1	PX.GCCK	1967	2007	Nhật Bản	67,000,000	67,000,000	0	10,000,000	Thiết bị đang hỏng nặng không sử dụng được	Bán thanh lý	



STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
10	Máy cắt gọt KYOKUTO chống tâm 1800	1	PX. GCCK	1967	2007	Nhật Bản	110,000,000	110,000,000	0	15,000,000	Thiết bị đang hỏng nặng không sử dụng được	Bán thanh lý	
11	Máy cắt gọt TAKISAWA-T39	1	PX.GCCK	1967	2007	Nhật Bản	62,000,000	62,000,000	0	10,000,000	Thiết bị đang hỏng nặng không sử dụng được	Bán thanh lý	
12	Lò tôi điện trở H58 - NL5	1	PX.NL	1990	2000	Liên Xô cũ	45,714,000	45,714,000	0	15,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
13	Lò thối than M66-9M10 - NL11	1	PX.NL	1989	1989	Đức	60,000,000	60,000,000	0	15,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
14	Dây chuyền TDH nhiệt luyện	1	PX.NL	2001	2001	Việt Nam	368,900,000	368,900,000	0		Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
15	Dây chuyền TDH nhiệt luyện	1	PX.NL	2001	2001	Việt Nam	368,900,000	368,900,000	0		Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
16	Lò nhiệt luyện (Lò Giếng) KEC - 35-12	1	PX.NL	2009	2009	Trung Quốc	135,845,000	135,845,000	0	40,500,000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
17	Máy nén khí Piston 11 KW	1	PX.NL	2015	2016	Đài Loan	71,000,000	71,000,000	0	2,000,000	Thiết bị đã hỏng nặng, không sửa chữa được	Bán thanh lý	
18	Lò tôi điện trở H90 -07 -NL15	1	PX.NL	2007	2007	Việt Nam	440,635,618	440,635,618	0	15,000,000	Lò đang hỏng nặng, đã tháo dỡ gạch và dây điện trở bên trong lò, tủ điện đã hỏng nặng	Bán thanh lý	
19	Máy phun bi WMT-60 - PB1	1	PX.NL	1995	1996	USA	683,926,953	683,926,953	0	25,000,000	Thiết bị đã cũ kém, hệ thống cánh phun bi hay phải sửa chữa, buồng hút bụi kém, máy làm việc kém hiệu quả	Bán thanh lý	
20	Máy nén khí kiểu trục vít GA55C - 7,5	1	PX.Cơ điện	2005	2005	Bỉ	410,000,000	410,000,000	0	10,000,000	Thiết bị cũ kém, hiện tại đang hỏng	Bán thanh lý	
21	Đường điện AC 35 (Giá trị nâng cấp đường 35KVA)	1	PX.Cơ điện	1993	1993	Việt Nam	31,700,000	31,700,000	0		Đã tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án mới	Bán thanh lý	
22	Đường điện 35 KV (hạ thế từ máy BA 35KV)	1	PX.Cơ điện	1995	1995	Việt Nam	155,360,056	155,360,056	0		Đã tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án mới	Bán thanh lý	
23	Đường điện 35 KV (hạ thế từ máy BA 35KV)	1	PX.Cơ điện	1995	1995	Việt Nam	119,550,000	119,550,000	0		Đã tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án mới	Bán thanh lý	

53
3 T
HÀ
JON
COI
NH

STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
24	Đường điện 6 KV - Được nâng cấp 22KV	1	PX.Cơ điện	1995	1995	Việt Nam	158,068,504	158,068,504	0		Tháo dỡ đường dây chuyển sang trạm BA mới (theo gói thầu 06 - DA nâng cấp PX.Đức)	Bán thanh lý	
25	Máy bơm chìm giếng khoan Pentax 6s 70-7	1	PX.Cơ điện	2017	2017	Italia	52,190,909	52,190,909	0		Thiết bị đang hỏng nặng	Bán thanh lý	
26	Máy bơm chìm giếng khoan Pentax 6s 70-7	1	PX.Cơ điện	2018	2018	Italia	54,900,000	54,900,000	0		Thiết bị đang hỏng nặng	Bán thanh lý	
27	Cột bơm xăng dầu kép (1 cái)-2008	1	CH Xăng dầu	2008	2008	Liên doanh Nhật Bản	52,606,610	52,606,610	0	1,000,000	Thiết bị hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
28	Cột kép bơm điện từ xăng dầu	1	CH Xăng dầu	2010	2010	Nhật Bản	115,500,000	115,500,000	0	1,000,000	Thiết bị hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
29	D/C làm khuôn đúc T.động Disamatic	1	PX.Đúc 2	1997	1998	Đan Mạch	19,702,200,816	19,702,200,816	0	200,000,000	Thiết bị quá cũ hay hỏng	Bán thanh lý	
II	PHẦN NHÀ MÁY NHÔM						4,189,921,877	4,189,921,877	0	97,000,000			
1	Máy ép bùn thủy lực	1	PX.AN-SF	2007	2007	Trung Quốc	120,391,000	120,391,000	0	10,000,000	Thiết bị đang hỏng	Bán thanh lý	
2	Máy dán băng dính	1	PX.AN-SF	2017	2017	Việt Nam	77,000,000	77,000,000	0	5,000,000	Thiết bị đang hỏng	Bán thanh lý	
3	Máy dán nilon bảo vệ sản phẩm nhôm	1	PX.AN-SF	2009	2010	Trung Quốc	77,697,900	77,697,900	0	5,000,000	Thiết bị đang hỏng	Bán thanh lý	
4	Máy cưa billét 4"	1	PX.Đùn Ép	2004	2005	Hàn Quốc	714,014,258	714,014,258	0	15,000,000	Thiết bị đang hỏng, đã tháo dỡ	Bán thanh lý	
5	Máy phun cát mờ đồng bộ	1	PX.Đùn Ép	2004	2005	Đài Loan	1,645,399,467	1,645,399,467	0	40,000,000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
6	Máy đột dập nhôm cửa cuốn	2	PX.Đùn Ép	2010	2010	Việt Nam	74,414,000	74,414,000	0	1,000,000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
7	Máy ép phế liệu số 2	1	PX.Đùn Ép	2014	2014	Việt Nam	343,176,250	343,176,250	0	1,000,000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
8	Máy phun cát làm sạch bề mặt khuôn	1	PX.Đùn Ép	2016	2016	Việt Nam	36,000,000	36,000,000	0		Không sử dụng do công nghệ không phù hợp	Bán thanh lý	
9	Máy photocopy Toshiba E Studio 507	1	P.CKĐA Windows	2019	2019	Nhật Bản	36,500,000	36,500,000	0		Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
10	Máy ghép góc 90o-BaihaXX -11166	1	PX.GCN	2010	2011	Italia	203,441,041	203,441,041	0		Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	

1/5
ANH
1/PH

STT	Tên quy cách thiết bị	SL	Đơn vị quản lý	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị dự kiến thu hồi	Tình trạng thiết bị	Đề xuất phương án thanh lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11	Máy ghép góc Model:GZJ02-120	2	PX.GCN	2011	2011	Trung Quốc	102,953,900	102,953,900	0	20,000,000	Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	
12	Máy uốn nhôm thanh KS-W1012S	1	PX.GCN	2012	2012	Trung Quốc	758,934,061	758,934,061	0		Thiết bị đang hỏng, không sử dụng	Bán thanh lý	


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT; BKS;
- Lưu VP HĐQT




ĐẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CAO TRƯỜNG THỤ

C.P. 10

CKDA

Số: 25 TT/CKĐA/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao, Ngân sách hoạt động của
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi dự kiến kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua đề xuất:

a) Thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách (chưa bao gồm thuế TNCN):

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đ/tháng (Mười lăm triệu đồng)
- + Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 12.000.000 đ/tháng (Mười hai triệu đồng)
- + Thành viên Hội đồng quản trị : 10.000.000 đ/tháng (Mười triệu đồng)
- + Trưởng Ban kiểm soát : 10.000.000 đ/tháng (Mười triệu đồng)
- + Thành viên Ban kiểm soát : 8.000.000 đ/tháng (Tám triệu đồng)

b) Đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và/hoặc tham gia điều hành; thành viên Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi.

c) Thời gian trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: vào cuối mỗi tháng.

d) Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Bao gồm các chi phí tổ chức họp, đi lại, ăn ở, chi phí hợp lý khác được chi trả theo phát sinh thực tế và nằm trong ngân sách chỉ cho hoạt động chung của Công ty trong năm tài chính 2025. Đảm bảo tích kiệm, hợp lý, phù hợp Điều lệ Công ty, Quy chế tài chính và các chế độ, định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!



CAO TRƯỜNG THỤ

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 14/NQ/CKĐA/HĐQT ngày 01 / 04 /2025 của HĐQT về việc thông qua chương trình DHDCTD thường niên năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Lựa chọn một đơn vị kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành/tổ chức niêm yết, có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của Công ty, không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty, đáp ứng được yêu cầu về phạm vi, tiến độ kiểm toán và mức phí kiểm toán.

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập lựa chọn

Đề xuất danh sách công ty đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp yêu cầu kiểm toán của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY (UHY)
4. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (AN VIỆT)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn 01 Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 từ danh sách công ty kiểm toán nêu trên.

Trường hợp không thống nhất được với Công ty kiểm toán trong danh sách này về tiến độ và mức phí dịch vụ kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.



NGUYỄN ANH DŨNG



Số: 26 TT/CKĐA/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến 2025

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 của Công ty.
- Căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế kiểm toán và phát hành ngày 12/03/2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2024 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận 2024

STT	Chi tiêu	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	97.858.153.065
2	Loại trừ lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ	0
3	Lợi nhuận năm 2023 chuyển sang	4.429.998.104
4	Tổng lợi nhuận được phân phối (4=1-2+3)	102.288.151.169
5	Phân phối lợi nhuận:	
a	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	10.228.815.117
b	Trích quỹ đầu tư phát triển (24.27%)	24.829.320.745
c	Thưởng BQL, BĐH, BKS (10% phần lợi nhuận vượt so với kế hoạch)	2.130.015.307
d	Chi trả cổ tức năm 2024 (21% x VDL)	65.100.000.000

II. Phương thức chi trả cổ tức

- Hình thức trả : Bằng tiền.
- Phương thức chi trả : Tiền mặt/ chuyển khoản
- Thời gian chi trả cổ tức : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức.

III. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Tỷ lệ cổ tức và phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và do Đại hội đồng cổ đông năm 2026 quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Xin trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VP HĐQT.



Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực Tổng thầu EPC****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi (Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021 và các quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Công ty;
- Nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty;
- Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty;
- Biên bản họp giữa Hội đồng quản trị Ban điều hành ngày 26/03/2025.

1. Mục đích

Trong bối cảnh thị trường xây dựng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đang phát triển mạnh, mô hình Tổng thầu EPC (thiết kế – cung ứng – thi công) ngày càng được ưa chuộng. Việc bổ sung ngành nghề kinh doanh liên quan đến lĩnh vực này sẽ giúp Công ty:

- Tận dụng thế mạnh sẵn có về thiết kế, chế tạo và thi công các công trình cơ khí và công nghiệp;
- Tăng cường năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động tham gia các dự án quy mô lớn;
- Góp phần nâng cao doanh thu, lợi nhuận và vị thế thương hiệu trên thị trường.

2. Nội dung đề xuất

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh phục vụ hoạt động Tổng thầu EPC như sau:

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Xây dựng nhà các loại - Chi tiết: Xây dựng nhà dân dụng, công nghiệp, văn phòng, nhà xưởng...	4101
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng - Chi tiết: Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở hạ tầng...	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
4	Xây dựng công trình công ích - Chi tiết: Nhà máy xử lý nước, rác thải, trạm bơm, hệ thống cấp thoát nước...	4220
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Công trình công nghiệp đặc thù, không phân loại cụ thể	4290
6	Lắp đặt hệ thống điện - Chi tiết: Điện động lực, chiếu sáng, tủ điện, điện trung – hạ thế...	4321
7	Hoàn thiện công trình xây dựng - Chi tiết: Sơn bả, lắp dựng nội thất, hoàn thiện nhà xưởng...	4330
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Kết cấu thép, nhà thép tiền chế, công trình đặc thù...	4390
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Thiết bị công nghiệp, điện, điều khiển, môi trường, năng lượng...	4659
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Ống cấp thoát nước, dây cáp điện, van, phụ kiện, thiết bị phụ trợ...	4663
11	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12	Sản xuất máy thông dụng khác - Chi tiết: Thiết bị phụ trợ phi tiêu chuẩn, modul cơ khí, skids...	2819
13	Sản xuất điện - Chi tiết: Nhà máy điện mặt trời, điện gió, trạm biến áp	3511
14	Truyền tải và phân phối điện	3512
15	Thoát nước và xử lý nước thải - Chi tiết: Nhà máy xử lý nước, rác, hệ thống lọc nước	3700
16	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
17	Sản xuất động cơ, tua-bin - Chi tiết: Thiết bị công nghiệp, băng tải, trạm trộn...	2811
18	Sản xuất thiết bị sử dụng trong công nghiệp	2812
19	Tư vấn công nghệ thông tin và quản lý hệ thống máy tính - Chi tiết: SCADA, IoT, điều khiển trung tâm, PLC/HMI...	6202

3. Hiệu quả kỳ vọng

- Mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh;
- Tăng cơ hội tiếp cận các dự án lớn từ khu vực công và tư;
- Tối ưu hóa nguồn lực nội bộ;
- Tạo điều kiện để hợp tác chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở các nội dung đã trình bày, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông: Thông qua việc đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực Tổng thầu EPC; Giao Hội đồng quản trị triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc đăng ký bổ sung mã ngành chưa có trong danh mục trên và quyết định một số công việc liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện Tổng thầu EPC. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

Trân trọng!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CAO TRƯỜNG THỤ

